

Tóm tắt Đề án Sáp nhập



GIỚI THIỆU

Năm 2011 được ghi nhận là mốc lịch sử đánh dấu sự thay đổi về chất và lượng của hệ thống NHTM Việt Nam với sự quyết tâm từ Cơ quan chủ quản điều hành vĩ mô-Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Tại Kỳ họp thứ 2 Quốc hội khóa XIII, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước đã khẳng định: “Việc tái cấu trúc hệ thống Ngân hàng là việc làm bình thường và thường xuyên, đảm bảo cho hệ thống Ngân hàng lành mạnh, hiệu quả, ngày càng phù hợp với thông lệ quốc tế, đảm bảo cạnh tranh trong môi trường đầy biến động của thế giới, đảm bảo cho hệ thống đáp ứng đủ vốn cho phát triển kinh tế - xã hội, tạo điều kiện cho mọi người dân cả ở vùng sâu, vùng xa đều được tiếp cận với dịch vụ Ngân hàng, tạo ra một hệ thống Ngân hàng đa dạng về loại hình, về sở hữu, về quy mô, trong đó có những Ngân hàng có đủ tiềm lực để cạnh tranh với các Ngân hàng trong khu vực và trên thế giới, làm trụ cột cho các Ngân hàng trong nước. Đồng thời cũng có những Ngân hàng nhỏ nhưng lành mạnh hoạt động trong các phân khúc thị trường khác nhau. Dự kiến sau 5 năm tái cấu trúc, hệ thống Ngân hàng Việt Nam sẽ có khoảng 02 Ngân hàng có đủ sức cạnh tranh với các Ngân hàng trong khu vực, có khoảng 10-15 Ngân hàng đủ lớn làm trụ cột cho các Ngân hàng trong nước, khoảng 08 Ngân hàng nhỏ hoạt động lành mạnh với quy mô phù hợp”.

Trong bối cảnh kinh tế khó khăn của nền kinh tế từ cuối năm 2009 đến nay, SHB vẫn hoạt động an toàn, phát triển tốt và đạt được các mục tiêu hằng năm do Đại hội đồng cổ đông đề ra. Tuy nhiên, trong bối cảnh thị trường khó khăn, Ban Lãnh đạo SHB nhận thấy một số cơ hội để giúp SHB phát triển nhanh, mạnh với chi phí thấp nhất thông qua con đường mua bán, sáp nhập với các TCTD khác.

Thời gian vừa qua, Ban Lãnh đạo SHB đã tìm hiểu và nhận thấy có cơ hội rất tốt để sáp nhập một TCTD khác có Hội sở chính tại Hà Nội vào SHB. Cơ hội sáp nhập này không những giúp SHB nhanh chóng mở rộng thị trường, tăng tổng tài sản, danh mục khách hàng, lĩnh vực hoạt động kinh doanh mà còn góp phần và hưởng ứng tích cực vào công cuộc tái cơ cấu hệ thống NHTM Việt Nam theo Đề án do Chính phủ đã thông qua vào đầu năm 2012.

Ban Lãnh đạo SHB xin phép trình Đại hội đồng cổ đông tóm tắt về Đề án Sáp nhập của một TCTD khác vào SHB trong các phần tiếp theo.

TÓM TẮT THÔNG TIN VỀ TCTD NHẬN SÁP NHẬP

Tên TCTD	Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Sài Gòn – Hà Nội
Tên TCTD bằng tiếng Anh	Saigon Hanoi Joint Stock Commercial Bank
Tên viết tắt	SHB
Giấy phép thành lập	0041-NH/GP do Ngân hàng Nhà nước cấp ngày 13/11/1993
Trụ sở chính	77 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại	(84-4) 3942 3388

Fax	(84-4) 3941 0944
Website	www.shb.com.vn
Vốn điều lệ	4.815.795.470.000 đồng
Biểu trưng (logo)	
Lĩnh vực kinh doanh chính	Được hoạt động kinh doanh đầy đủ hoạt động kinh doanh ngân hàng theo Luật các TCTD do NHNN cấp phép.
Mạng lưới chi nhánh: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Hà Nội có Trụ sở chính đặt tại 77 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam. Tính đến ngày 29 tháng 02 năm 2012, Ngân hàng có một (1) Hội sở chính, 24 Chi nhánh, và 133 Phòng Giao dịch.	
Công ty con	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội có một công ty con là Công ty Quản lý tài sản AMC - Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội do Ngân hàng sở hữu 100% vốn điều lệ.

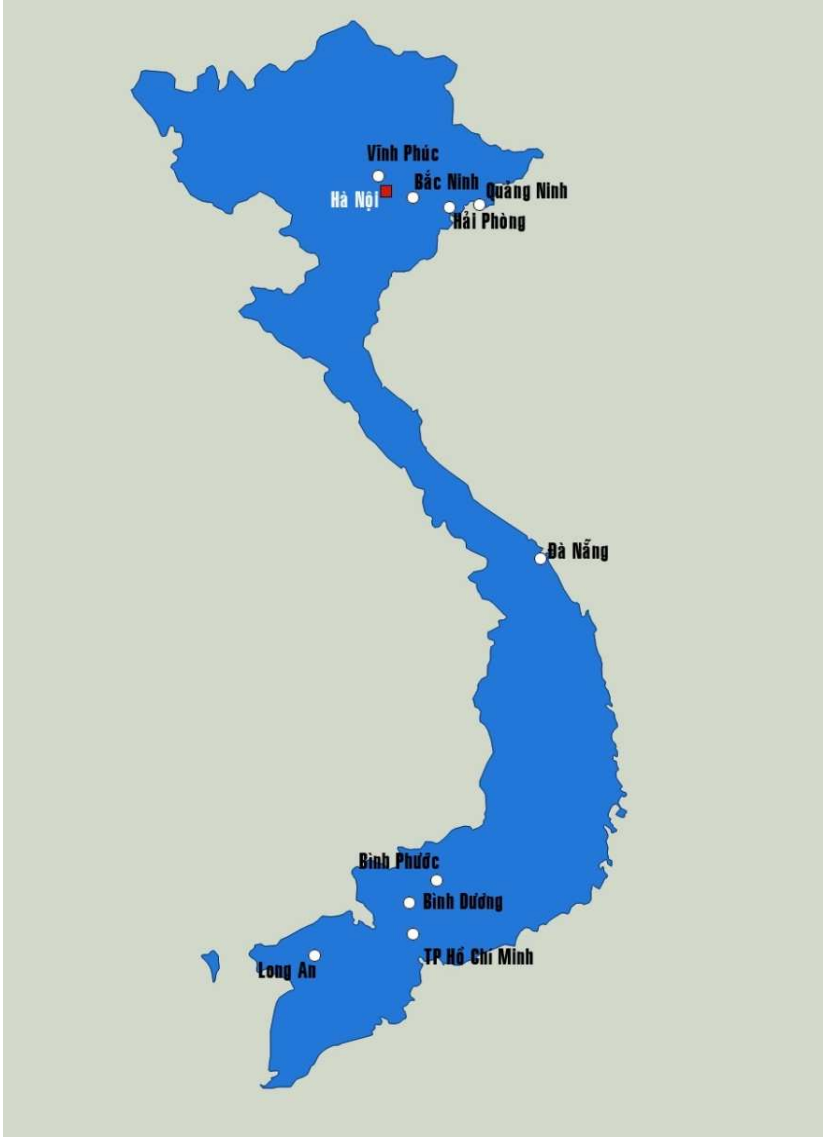
2. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

- ▶ **Năm 1993** thành lập Ngân hàng .
- ▶ **Năm 2006** đổi tên từ Ngân hàng TMCP Nhon Ái thành Ngân hàng TMCP Sài Gòn- Hà Nội (SHB).

- ▶ **Năm 2007:** Tập đoàn Than Khoáng sản Việt Nam và Tập đoàn cao su Việt Nam chính thức trở thành cổ đông chiến lược và hợp tác toàn diện của SHB.
- ▶ Góp vốn thành lập các công CTCP Chứng khoán Sài Gòn-Hà Nội (SHS), CTCP Quản lý quỹ đầu tư Sài Gòn-Hà Nội (SHF), CTCP Bảo hiểm SHB-Vinacomin ...khẳng định quyết tâm thực hiện mục tiêu chiến lược trở thành một tập đoàn tài chính đa năng.
- ▶ **Năm 2008:** Chuyển trụ sở chính từ Cần Thơ ra thủ Đô Hà Nội. Tăng vốn điều lệ từ 500 lên 2.000 tỷ đồng khẳng định bước ngoặt lớn trong quy mô, vị thế, tiềm lực của SHB.
- ▶ **Năm 2009:** Là ngân hàng thứ 3 trong khối TMCP Việt Nam chính thức niêm yết 200 triệu cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội; thành lập và chính thức đưa vào hoạt động Công ty Quản lý nợ và khai thác tài sản Sài Gòn- Hà Nội (SHAMC)
- ▶ **Năm 2010:**
 - o Triển khai thành công và chính thức đưa vào hoạt động hệ CoreBanking (Intellect) và hệ thống Công nghệ thẻ mới (SmartVista) đánh dấu một bước tiến quan trọng trong quá trình đổi mới, hiện đại hóa công nghệ ngân hàng;
 - o Phát hành thành công 150 triệu cổ phiếu nâng tổng vốn điều lệ lên gần 3.500 tỷ đồng.;
 - o Phát hành thành công 1.500 tỷ VNĐ trái phiếu chuyển đổi.
 - o Thành lập và chính thức đưa vào hoạt động công ty liên kết SHB Land.
- ▶ **Năm 2011:**
 - o Chuyển đổi thành công gần 1.500 tỷ đồng trái phiếu nâng vốn điều lệ của SHB lên mức 4.815,8 tỷ đồng.
 - o Kỷ niệm 18 năm ngày thành lập, SHB đã vinh dự đón nhận Huân chương Lao động hạng Ba của Chủ tịch nước và bằng khen của Thống đốc ngân hàng Nhà nước.
 - o Ngân hàng Nhà nước chấp thuận mở Chi nhánh tại Campuchia và Lào. Chi nhánh SHB Phnom Penh – Campuchia đã khai trương và đi vào hoạt động đầu năm 2012.

TÓM TẮT THÔNG TIN VỀ TCTD BỊ SÁP NHẬP

Tên TCTD	Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Nhà Hà Nội
Tên TCTD bằng tiếng Anh	Hanoi Building Commercial Joint Stock Bank
Tên viết tắt	HBB (HBB)
Giấy phép thành lập	Số 00020/NH-GP do Thống đốc NHNN cấp ngày 06/06/1992
Trụ sở chính	15-17 Ngọc Khánh, phường Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại	(84-4) 38 460 135
Fax	(84-4) 38 235 693
Website	www.habubank.com.vn
Vốn điều lệ	4.050.000.000.000 đồng

Biểu trưng (logo)	
Lĩnh vực kinh doanh chính	Được hoạt động kinh doanh đầy đủ hoạt động kinh doanh ngân hàng theo Luật các TCTD do NHNN cấp phép.
Mạng lưới chi nhánh của Ngân hàng: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội có Trụ sở chính đặt tại 15 -17 Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam. Tính đến ngày 29 tháng 02 năm 2012, Ngân hàng có một (1) Hội sở chính, một (1) Sở giao dịch, mười chín (19) Chi nhánh, và năm mươi ba (53) Phòng Giao dịch và bảy (07) Quỹ Tiết kiệm tại các tỉnh và thành phố trên cả nước.	
Công ty con	Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Nhà Hà Nội có một công ty con là Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội do Ngân hàng sở hữu 98.66% vốn điều lệ.

1. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

- ▶ **Tháng 4/1989**, HBB chính thức khai trương hoạt động.
- ▶ **Tháng 6/1992**, sau 3 năm hoạt động thử nghiệm, với sự ra đời của Pháp lệnh Ngân hàng và Hợp tác xã tín dụng, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ra Quyết định số 104/QĐ-NH5 cho Phép Ngân hàng phát triển Nhà Thành phố Hà Nội trở thành một ngân hàng thương mại đổi tên thành Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội với số vốn điều lệ là 5 tỷ đồng.
- ▶ **Tháng 10/1992**, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có Quyết định số 215/QĐ-NH7 cho phép HBB thực hiện một số hoạt động kinh doanh ngoại tệ và làm dịch vụ ngân hàng bằng ngoại tệ. Tháng 2/1993, HBB chuyển trụ về số 57 Hàng Cót, Hà Nội.
- ▶ **Tháng 3/1995**, HBB hoàn thành việc phát hành cổ phiếu và tăng vốn điều lệ lên 24,3 tỷ đồng. Đến tháng 11, HBB chuyển trụ sở về Tòa nhà B7 Giảng Võ, Hà Nội.
- ▶ **Tháng 3/1996**, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có Quyết định số 58/GP-NH5 cho phép HBB tăng vốn điều lệ lên 50 tỷ đồng.
- ▶ **Năm 2001**, HBB hoàn thành việc trang bị phần mềm quản lý ngân hàng tập trung và trở thành một trong những ngân hàng đầu tiên của Việt Nam thực hiện việc quản lý dữ liệu tập trung và online toàn hệ thống.
- ▶ **Năm 2005**, HBB triển khai dịch vụ Ngân hàng tự động, phát hành thẻ HBB Vantage, trang bị hệ thống ATM/POS và gia nhập liên minh thẻ VNBC nhằm mở rộng hệ thống chấp nhận thẻ với các ngân hàng thành viên, phục vụ khách hàng tốt hơn.
- ▶ **Năm 2006**, HBB là một trong bốn ngân hàng đầu tiên tăng vốn điều lệ lên 1.000 tỷ đồng. Cũng trong năm này, HBB được Tạp chí The Banker - tạp chí chuyên ngành về tài chính ngân hàng (Anh) bình chọn là Ngân hàng Việt Nam của năm. HBB giữ vững danh hiệu này trong 2 năm tiếp theo 2007, 2008.
- ▶ **Năm 2007**, HBB hoàn thành việc lựa chọn ngân hàng Deutsche Bank (Đức) là đối tác chiến lược nước ngoài và tăng vốn điều lệ lên 2.000 tỷ đồng.
- ▶ **Tháng 12/2009**, HBB hoàn thành việc tăng vốn điều lệ lên 3.000 tỷ đồng và ra mắt chính thức Trung tâm dịch vụ khách hàng - mở ra một kênh tiếp cận sản phẩm, dịch vụ mới cho khách hàng của Ngân hàng ngoài thẻ và Internet.
- ▶ **Tháng 8/2010**, phát hành thành công 10,5 triệu trái phiếu chuyển đổi (tương ứng 1.050 tỷ đồng).
- ▶ **Tháng 11/ 2010**, HBB chính thức niêm yết toàn bộ 300 triệu cổ phần, tương đương giá trị là 3.000 tỷ đồng lên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX), mã cổ phiếu là HBB.
- ▶ **Tháng 9/2011**, HBB đã hoàn tất việc chuyển đổi 10,5 triệu trái phiếu phát hành tháng 8/2010 thành 105 triệu cổ phiếu phổ thông, nâng mức vốn điều lệ lên 4.050 tỷ đồng.

CHƯƠNG 1: NGUYÊN NHÂN VÀ LÝ DO SÁP NHẬP

Tóm tắt các nguyên nhân gây ra khó khăn về tài chính cho HBB dẫn đến việc sáp nhập:

► *Tập trung dư nợ cho vay các công ty thuộc Tập đoàn Vinashin trước đây*

Đây là vấn đề cốt lõi làm cho Ngân hàng rơi vào tình trạng khó khăn hiện nay. Tổng dư nợ cho vay và trái phiếu cho các công ty thuộc Tập đoàn Vinashin bao gồm:

Dư nợ cho vay	2.745.347 tỷ
Mua trái phiếu doanh nghiệp Vinashin	600.000 tỷ
Tổng cộng	3.345.347 tỷ

Việc tập trung cho vay nhóm khách hàng thuộc Vinashin từng được coi là chính sách “đón đầu” của Ngân hàng, tuy nhiên việc tập trung quá nhiều vào nhóm khách hàng này (tương đương 83% vốn điều lệ của Ngân hàng) dẫn đến khi kinh tế suy thoái, Ngân hàng đã bị ảnh hưởng nặng nề từ việc tập trung tín dụng này. Riêng chi phí huy động vốn hằng năm Ngân hàng phải trả để duy trì dư nợ này đã làm Ngân hàng phát sinh chi phí đến khoảng 500 tỷ đồng/năm.

► *Tình hình suy thoái kinh tế chung dẫn đến tỷ lệ nợ xấu và nợ quá hạn của khách hàng cao*

Ngoài trường hợp Vinashin, một số khách hàng của Ngân hàng cũng gặp khó khăn trong việc trả nợ đúng hạn cho Ngân hàng trong thời gian vừa qua do tình trạng kinh tế khủng hoảng, sản xuất bị đình trệ và thị trường tiêu thụ bị thu hẹp, doanh thu bán hàng sụt giảm.

Tuy nhiên, việc phát sinh nhiều khoản nợ bị quá hạn trong thời gian vừa qua cũng phản ánh một thực tế khác là chính sách và các quy trình quản trị rủi ro tín dụng của Ngân hàng chưa phát triển, công tác thẩm định và đánh giá khách hàng, quản lý sau giải ngân còn lỏng lẻo và thiếu sót, dẫn đến Ngân hàng không phát hiện, ngăn chặn và kiểm soát việc giải ngân cho các khách hàng không tốt. Việc thẩm định tín dụng chủ yếu dựa vào tài sản đảm bảo mà chưa đánh giá toàn diện khách hàng trên các khía cạnh vĩ mô của nền kinh tế, ngành nghề kinh doanh, năng lực tài chính của khách hàng... cũng góp phần làm nợ xấu gia tăng khi thị trường có những thay đổi bất lợi. Mặc dù tài sản đảm bảo là một phương tiện tốt để giúp Ngân hàng hạn chế tổn thất khi khách hàng không trả được nợ, nhưng việc phụ thuộc quá nhiều vào tài sản đảm bảo khi xét duyệt cho vay làm nợ xấu của Ngân hàng gia tăng đáng kể trong thời gian vừa qua.

► *Hệ thống quản trị rủi ro không phát hiện và ngăn ngừa các hành vi gian lận của khách hàng*

Thời gian vừa qua đã chứng kiến rất nhiều vụ gian lận thương mại trong hoạt động ngân hàng mà nạn nhân chủ yếu là các TCTD, Ngân hàng cũng không phải là một ngoại lệ. Ngân hàng bị liên quan đến hai vụ lừa đảo/gian lận từ phía khách hàng liên quan đến tài sản đảm bảo là các giấy tờ có giá.

Hiệu quả hoạt động quản trị điều hành không hiệu quả dẫn đến tổn thất cho Ngân hàng. Trong năm 2011 và đầu năm 2012, tình hình tài chính của HBB rất kém, chất lượng tín dụng xấu, Ngân hàng luôn thường trực nguy cơ mất khả năng chi trả và thực tế đã mất khả năng thanh toán.

- ▶ *Áp lực về tăng trưởng trong bối cảnh hoạt động kinh doanh ngân hàng bị chi phối rất nhiều bởi các quy định của Ngân hàng Nhà nước dẫn đến Ngân hàng thực hiện các giao dịch có rủi ro cao*

Một số TCTD khác đã có những bước tiến đột phá trong thời gian vừa qua về tổng tài sản và lợi nhuận đã tạo ra áp lực rất lớn cho Ngân hàng, đặc biệt là trong bối cảnh Ngân hàng từng có giai đoạn tạo ra lợi nhuận rất tốt, luôn duy trì tỷ lệ ROE khoảng 25% đến 30%. Vì thế để làm hài lòng cổ đông, Ngân hàng đã thực hiện một số giao dịch ủy thác với các bên thứ ba để các bên thứ ba này đầu tư vào các lĩnh vực có rủi ro cao và tạo ra lợi nhuận cao như đầu tư vào thị trường chứng khoán, gửi tại các TCTD khác với lãi suất thỏa thuận... Các khoản đầu tư này đã tạo ra những tiềm ẩn rủi ro rất lớn cho Ngân hàng khi thị trường đảo chiều.

- ▶ *Thị trường tài chính của Việt Nam còn sơ khai, chưa thực sự phát triển khiến cho Ngân hàng không có cơ hội để tiếp cận và sử dụng các công cụ hữu hiệu để bảo hiểm các rủi ro lãi suất, rủi ro tỷ giá..., từ đó, ảnh hưởng tới hiệu quả của hoạt động kinh doanh.*

Ngân hàng phải chấp nhận huy động vốn lãi suất cao nhằm giữ khách hàng và hạn chế việc rút tiền ồ ạt từ khách hàng để gửi tại các TCTD khác do việc cạnh tranh khốc liệt trong việc huy động vốn giữa các TCTD qui mô nhỏ. Nhu cầu phải giữ khách hàng và thanh khoản Ngân hàng đặc biệt cao hơn so với TCTD khác do Ngân hàng có dư nợ không sinh lãi tập trung cho nhóm Vinashin quá lớn so với quy mô của Ngân hàng.

Với thực trạng khó khăn của HBB hiện nay, HBB cần phải thực hiện các giải pháp toàn diện để giúp Ngân hàng vượt qua giai đoạn hiện nay. Cốt lõi của giải pháp là Ngân hàng phải có nguồn vốn mới để bổ sung hoạt động.

Có hai giải pháp đưa ra:

- ▶ Giải pháp 1: Các cổ đông của HBB sẽ góp vốn bổ sung ;
- ▶ Giải pháp 2: Sáp nhập HBB vào TCTD khác sẽ tốt hơn để hỗ trợ cho các cổ đông và CBNV của HBB trong giai đoạn tiếp theo.

Sau khi thảo luận và cân nhắc kỹ lưỡng, Ban Lãnh đạo HBB đã quyết định lựa chọn giải pháp 2 do các cổ đông hiện hữu của HBB chưa sẵn sàng để góp vốn bổ sung cho HBB trong giai đoạn này.

Trên cơ sở đó, từ tháng 2/2012, HBB đã tích cực tìm kiếm các Ngân hàng tiềm năng quan tâm đến HBB, trong đó SHB nổi lên như một ứng cử sáng giá nhất cho Ngân hàng dựa trên những lý do sau:

- ▶ SHB là một đối tác có tiềm lực tài chính (thể hiện qua kết quả kinh doanh trong 3 năm gần đây), có tham vọng phát triển (thể hiện qua các chiến lược phát triển ngân hàng bán lẻ, đa năng và tập đoàn tài chính mạnh trong nước và khu vực Đông Dương).
- ▶ Cách tiếp cận của SHB đối với HBB trong việc sáp nhập rất thực tiễn và khả thi.

Theo kế hoạch, trong giai đoạn đầu sau khi sáp nhập, SHB vẫn duy trì HBB vẫn hoạt động theo thể mạnh của HBB sẵn có trong thời gian qua và SHB chỉ tham gia điều hành và kiểm soát các hoạt động kinh doanh của HBB đồng thời hỗ trợ về hoạt động chính như hoạt động nguồn vốn, hoạt động tín dụng, hoạt động kế toán, công tác nhân sự và công nghệ thông tin.

Phương án này sẽ tránh xung đột văn hóa giữa hai ngân hàng, tránh được những thay đổi lớn, tác động đến hiệu quả kinh doanh của ngân hàng sau khi sáp nhập.

- ▶ Sự cạnh tranh khốc liệt trong nền kinh tế thị trường đòi hỏi các tổ chức kinh tế phải có nền tảng tài chính lành mạnh, có quy mô lớn để có thể phát triển nhanh, mạnh và bền vững. Do

vậy, việc sáp nhập giữa SHB và HBB là xu thế tất yếu của sự phát triển này.

LỢI ÍCH CỦA VIỆC SÁP NHẬP VÀ NHỮNG ẢNH HƯỞNG CÓ THỂ CÓ TỪ VIỆC SÁP NHẬP

Việc sáp nhập sẽ mang lại những lợi ích to lớn với bản thân cho hai ngân hàng và ngành ngân hàng nói chung do sẽ đạt được những lợi ích quan trọng như sau:

- ▶ Giúp SHB và HBB có cơ hội hợp tác để giải quyết các vấn đề gây ra khó khăn tài chính HBB trong thời gian qua;
- ▶ SHB và HBB có cơ hội để cùng điều hành một doanh nghiệp có quy mô lớn hơn và có sức cạnh tranh tốt hơn sau giai đoạn sáp nhập;
- ▶ Nhận được sự hỗ trợ và quan tâm của NHNN trong quá trình sáp nhập do việc sáp nhập nằm trong chương trình tái cơ cấu hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam.
- ▶ Mở rộng khả năng phát triển dịch vụ ngân hàng, đặc biệt là hoạt động bán lẻ do mạng lưới phân phối dịch vụ, vị thế lớn hơn;
- ▶ Bổ sung lợi thế về quy mô trong phát triển kinh doanh, trong quản lý chi phí.

Tuy nhiên, việc sáp nhập cũng chứa đựng những nguy cơ tiềm ẩn như sau:

- ▶ Xung đột về khác biệt văn hóa doanh nghiệp của hai ngân hàng;
- ▶ Khó khăn về tài chính trong bối cảnh kinh tế khó khăn hiện nay cần rất nhiều sự nỗ lực của Ban Lãnh đạo hai ngân hàng.

Việc sáp nhập tạo ra một định chế tài chính vững mạnh bao gồm:

- ▶ có vốn điều lệ khoảng gần 9.000 tỷ đồng và quy mô tổng tài sản trên 100.000 tỷ đồng(tính đến thời điểm 29.02.2012)hoạt động khắp các tỉnh thành lớn trong cả nước;
- ▶ Có số lượng khoảng 500.000 khách hàng.
- ▶ Có khoảng hơn 4.600 cán bộ nhân viên.
- ▶ Có các công ty con, có khả năng cung cấp các hoạt động hỗ trợ, gia tăng lợi ích cho khách hàng và tăng thu nhập ngoài lãi cho Ngân hàng gồm:
 - Công ty chứng khoán;
 - Công ty quản lý tài sản của Ngân hàng
- ▶ có địa bàn hoạt động trong khu vực Đông Dương với các chi nhánh tại Lào và Campuchia;
- ▶ có sự hậu thuẫn mạnh mẽ và có các khách hàng hoạt động trong những lĩnh vực cốt lõi cho sự phát triển của nền kinh tế như: than, khoáng sản, cây công nghiệp (cao su), phát triển hạ tầng và một lực lượng đông đảo các khách hàng SME hoạt động trong các ngành kinh tế khác nhau;
- ▶ có khả năng cung cấp các dịch vụ hiệu quả và an toàn cho một khối lượng lớn các khách hàng cá nhân thành thị gần gũi với văn hóa và thói quen tiêu dùng của họ nhằm góp phần mang lại cho các khách hàng này có cuộc sống tiện nghi và tốt đẹp hơn.

CHƯƠNG 2: PHÂN TÍCH TÓM TẮT VỀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH và ĐIỂM MẠNH, ĐIỂM YẾU CỦA HAI NGÂN HÀNG TRƯỚC KHI SÁP NHẬP

PHẦN 1: PHÂN TÍCH VỀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH.

A. NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN - HÀ NỘI

I. Tài sản và Nguồn vốn.

Xét về mặt giá trị tuyệt đối, tổng tài sản của SHB liên tục tăng trong những năm qua với mức tăng năm sau cao hơn năm trước. Tuy nhiên tốc độ tăng trưởng bắt đầu giảm từ năm 2011 do những ảnh hưởng từ cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu và những chính sách kiềm chế tăng trưởng tín dụng nóng được Ngân hàng Nhà nước áp dụng chặt chẽ từ cuối năm 2010.

Tại thời điểm tháng 2 năm 2012, tổng tài sản của Ngân hàng đạt 66.572 tỷ đồng.

1. Chất lượng tài sản.

Chất lượng tài sản của SHB trong những năm gần đây khá tốt. Tốc độ tăng trưởng tài sản của Ngân hàng chủ yếu phụ thuộc vào mức độ tăng trưởng tín dụng và các khoản đầu tư.

- Trong 3 năm vừa qua, danh mục tín dụng của SHB ngày càng được mở rộng đa dạng hóa ra nhiều ngành khác nhau, bên cạnh các khách hàng truyền thống là các đơn vị thuộc Tập đoàn Than – Khoáng sản Việt Nam và Tập đoàn Cao su Việt Nam. Tốc độ tăng trưởng tín dụng của Ngân hàng trên 40% trong 3 năm qua nhưng không ảnh hưởng quá lớn đến chất lượng tín dụng. Dự phòng ngân hàng trích lập tại thời điểm cuối năm 2011 cho danh mục tín dụng theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN và Quyết định 18/2007/QĐ-NHNN chỉ ở mức 1,22% tổng dư nợ (tại thời điểm tháng 2 năm 2012, theo số liệu Ngân hàng công bố, tỷ lệ này là 1,43%).

- Ngoài hoạt động tín dụng, một phần chiếm tỷ trọng lớn trong tổng danh mục tài sản của SHB là các khoản đầu tư. Đây là các khoản đầu tư vào giấy tờ có giá và góp vốn đầu tư dài hạn. Tổng giá trị thuần của danh mục đầu tư tại thời điểm cuối năm 2011 là 15.448.512 triệu đồng (tháng 2 năm 2012 là 14.366.058 triệu đồng), trong đó, giá trị thuần của giấy tờ có giá đầu tư sẵn sàng để bán chiếm tới hơn 80,83%, còn lại là chứng khoán kinh doanh, chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và các khoản đầu tư dài hạn khác. Các khoản đầu tư này một mặt tạo thu nhập cho Ngân hàng, đồng thời đã tạo điều kiện mở rộng quan hệ và xây dựng mạng lưới các công ty có liên kết, tạo tiền đề cho việc phát triển thành tập đoàn tài chính đa ngành của Ngân hàng tương lai. Ngoài ra, tại thời điểm hiện tại danh mục đầu tư cũng là một phương pháp hữu hiệu nhằm giảm thiểu rủi ro trong quá trình kinh doanh của Ngân hàng khi thực hiện đa dạng hóa danh mục tài sản.

- Với mục đích kinh doanh hàng hóa tiền tệ, Ngân hàng luôn duy trì mức tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước và tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác ở mức khoảng 25% tổng giá trị tài sản nhằm đảm bảo tính thanh khoản, đáp ứng kịp thời các nhu cầu về tiền tệ trong hoạt động kinh doanh của SHB.

2. Cơ cấu tài sản

Trong những năm gần đây, do quy mô của SHB ngày càng phát triển, nền kinh tế bị ảnh hưởng bởi cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu và các hệ lụy đi kèm với các chính sách thắt chặt của Ngân hàng Nhà nước, để tự đứng vững trên thị trường, SHB đã nỗ lực đa dạng hóa danh

mục tài sản của mình để giảm thiểu rủi ro. Mặc dù hoạt động tín dụng vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng tài sản (41% cuối năm 2011), tỷ trọng của các khoản mục đầu tư, có mức tăng đáng kể từ 18,76% năm 2009 lên 21,77% năm 2011. Trong danh mục đầu tư, ngoài các khoản đầu tư dài hạn nhằm mục đích mở rộng mạng lưới đối tác chiến lược, tạo cơ sở cho việc phát triển thành tập đoàn tài chính đa ngành trong tương lai, các khoản trái phiếu, kỳ phiếu và chứng chỉ tiền gửi chiếm tỷ trọng lớn. Các khoản đầu tư vào các tài sản sinh lãi này được đánh giá là các khoản mục đầu tư có tính chất an toàn và đáp ứng được yêu cầu nâng cao lợi nhuận phù hợp với tính chất và đặc điểm trong hoạt động của các tổ chức tín dụng và các tổ chức tín dụng được khuyến khích đầu tư vào các tài sản này nhằm đa dạng hóa danh mục tài sản, phòng ngừa các rủi ro có thể xuất hiện trên thị trường trong quá trình hoạt động kinh doanh của ngân hàng.

Tốc độ tăng trưởng dư nợ tín dụng trong năm 2011 tăng 19,64% so với năm 2010 trong khi tăng trưởng tín dụng bình quân của toàn hệ thống Ngân hàng theo ước tính là khoảng từ 12%-13%. Ngoài ra, SHB đã được NHNN Việt Nam công nhận thuộc Nhóm 1 – Nhóm các Ngân hàng hoạt động an toàn, hiệu quả và được tăng trưởng tín dụng 17% trong năm 2012.

Trong năm 2011 tỷ lệ nợ xấu của Ngân hàng là 2,23%. Tỷ lệ này vẫn ở mức hợp lý trong tình hình nền kinh tế toàn cầu nói chung và nền kinh tế Việt Nam nói riêng gặp nhiều khó khăn và thấp hơn nhiều so với tỷ lệ nợ xấu chung của toàn hệ thống Ngân hàng (theo NHNN công bố là 3,39% vào cuối tháng 10/2011).

Tại thời điểm cuối năm 2011, Cơ cấu cho vay theo ngành kinh tế của SHB có sự dịch chuyển tích cực theo hướng tăng trưởng mạnh các lĩnh vực, ngành nghề kinh tế phát triển ổn định, phục vụ cho nhu cầu xã hội. Đặc biệt tăng trưởng mạnh ở những lĩnh vực được Nhà nước khuyến khích phát triển như: Nông nghiệp nông thôn, sản xuất chế biến phục vụ xuất khẩu, công nghiệp hỗ trợ (sản xuất linh kiện, lắp ráp máy móc thiết bị, kinh doanh vật liệu xây dựng phục vụ các ngành khác).

Danh mục tín dụng của ngân hàng trong năm 2011 cũng được mở rộng ra nhiều loại ngành nghề. Đây là một bước quan trọng trong việc thể hiện vai trò ảnh hưởng của Ngân hàng trên nhiều lĩnh vực và loại hình ngành nghề khác nhau.

Tổng giá trị thuần của danh mục chứng khoán đầu tư trong năm 2011 là 15.097.394 triệu đồng, chủ yếu là Trái phiếu chính phủ, trái phiếu, kỳ phiếu của một số NHTM Nhà nước và NHTM cổ phần chiếm gần 80%/tổng giá trị chứng khoán đầu tư; trái phiếu của các TCKT (các Tổng công ty lớn của Nhà nước, công ty cổ phần) phát hành chiếm 20%; cổ phiếu (Ngân hàng và TCKT niêm yết) chiếm 0,15%/tổng giá trị chứng khoán đầu tư.

Đây là danh mục đầu tư nhằm mục đích sinh lời và đảm bảo an toàn hoạt động, đa dạng hóa danh mục tài sản của Ngân hàng góp phần giảm thiểu rủi ro trong hoạt động.

Tài sản cố khác chiếm 7% trong tổng tài sản của Ngân hàng tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2011. Tỷ lệ này là khá thấp so với các ngân hàng khác có cùng quy mô và tính chất hoạt động. Điều này cho thấy SHB vẫn đang tập trung vào phát triển các lĩnh vực hoạt động cho phép đối với các tổ chức tín dụng bao gồm kinh doanh tiền tệ, tín dụng và đầu tư nhằm đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định của cơ quan nhà nước về hoạt động ngân hàng, đồng thời cũng cho thấy SHB có kết quả kinh doanh tương đối tốt do không có nhiều các khoản phải thu đã được hạch toán vào doanh thu trong kỳ nhưng chưa thu được hoặc các khoản phải thu đã thực hiện chi trả nhưng chưa được hạch toán vào chi phí hoạt động trong kỳ.

Nguồn vốn huy động được của Ngân hàng vẫn chủ yếu tập trung từ tiền gửi của TCKT và cá nhân. Tỷ lệ tăng trưởng huy động vốn trong năm 2011 là 45,5% đã hỗ trợ đáng kể cho Ngân hàng trong việc duy trì hoạt động kinh doanh và khả năng thanh khoản.

Năm 2011, tổng huy động vốn trên thị trường liên ngân hàng (thị trường II) đạt 15.909.083 triệu đồng, tương ứng tăng 20% so với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó số dư tiền gửi và cho vay các TCTD khác của SHB là 18.845.175 triệu đồng. Về số tuyệt đối, SHB dư ròng tiền gửi & cho vay các NH khác là 2.936 tỷ đồng. Huy động từ thị trường II thấp hơn tiền gửi & cho vay thị trường 2 hơn Ngân hàng đang hoàn toàn chủ động sử dụng các nguồn tiền để tài trợ hợp lý cho các nghiệp vụ kinh doanh, đảm bảo giảm thiểu rủi ro về tính mất cân đối thời hạn cũng như lãi suất trong hoạt động kinh doanh.

II. Kết quả Hoạt động Kinh doanh: ROA, ROE và Lợi nhuận sau thuế.

Nhìn chung, so với các Ngân hàng có cùng quy mô và tính chất hoạt động, ROA và ROE của SHB đang ở mức tương đối cao:

Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/TTS bình quân của SHB là 1,75% cao hơn so với mức bình quân toàn ngành là 1,19%

Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/VCSH bình quân 22,6% cao hơn so với mức của toàn ngành là 20,38%.

III. Hệ số an toàn vốn – CAR

Chỉ tiêu	Quy định	31/12/2011	29/02/2012
Tổng tài sản "Có" thanh toán ngay trên Tổng Nợ phải trả	>15%	15,16%	15,22%
Tỷ lệ khả năng chi trả trong 7 ngày VND	>100%	124,00%	130,61%
Tỷ lệ khả năng chi trả trong 7 ngày USD	>100%	159,26%	156,36%
CAR	>9%	13,37%	15,39%
Vốn huy động ngắn hạn cho vay trung dài hạn	<30%	12,86%	15,16%

Theo yêu cầu của Thông tư 13 của Ngân hàng Nhà nước, các tổ chức tín dụng cần duy trì tỷ lệ an toàn tối thiểu ở mức 9%, trong giai đoạn từ năm 2010 trở lại đây, tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu của SHB luôn ở mức trên 13%. Điều này thể hiện mức độ an toàn cao của các tài sản của Ngân hàng trước các rủi ro tiềm ẩn trong hoạt động kinh doanh đặc biệt trong điều kiện kinh tế bất ổn hiện nay.

Các tỷ lệ về khả năng chi trả hàng ngày và trong 7 ngày của SHB luôn đảm bảo ở mức cao hơn quy định của Ngân hàng Nhà nước và đáp ứng yêu cầu về thanh khoản. Ngoài ra, cơ cấu sử dụng nguồn của SHB đảm bảo an toàn. Tỷ lệ vốn huy động ngắn hạn cho vay trung, dài hạn thấp hơn nhiều so với mức tối đa quy định.

B. NGÂN HÀNG TMCP NHÀ HÀ NỘI

I. Tài sản và Nguồn vốn

Tổng tài sản của HABUBANK liên tục tăng trong những năm qua tuy nhiên tốc độ tăng trưởng bắt đầu giảm dần từ năm 2011. Cụ thể năm 2011 tổng tài sản chỉ tăng 9% so với mức tăng là 30% và 24% tương ứng trong năm 2010 và 2009.

Đến tháng 2 năm 2012, tổng tài sản tăng trưởng âm 11% so với 31/12/2011 do Ngân hàng thực hiện chương trình tái cơ cấu. Việc suy giảm này chủ yếu tập trung vào hoạt động cho vay khách hàng: hoạt động này giảm 23,19% so với 31/12/2011.

2. Chất lượng tài sản của HBB.

Trong 02 năm gần đây đang có dấu hiệu rủi ro hơn, trong đó, nguyên nhân chủ yếu phát sinh từ chất lượng các khoản cho vay và chất lượng tài sản khác. Danh mục tín dụng của HABUBANK kém đa dạng, tập trung cho vay một số khách hàng lớn và một số ngành nghề thuộc các lĩnh vực ngành nghề kinh doanh như đóng tàu, vận tải biển, sản xuất giấy, vật liệu xây dựng và năng lượng. Đây là các nhóm khách hàng có chu kỳ sản xuất kinh doanh và vòng quay vốn tương đối dài hạn, lại chịu ảnh hưởng trực tiếp của các biến động kinh tế vĩ mô trong giai đoạn vừa qua. Do đó, dự kiến tỷ lệ nợ quá hạn và nợ xấu của HABUBANK trong giai đoạn tới có xu hướng gia tăng cao từ các khách hàng này.

Ngoài hoạt động tín dụng, HABUBANK còn có một số khoản ủy thác đầu tư, đầu tư góp vốn, liên doanh, liên kết và đầu tư vào trái phiếu có khả năng sinh lời kém. Cụ thể, đối với các khoản ủy thác đầu tư này, HABUBANK đang phải đối mặt với tình trạng chậm thu hoặc khó đòi, trong đó có 600 tỷ đồng ủy thác đầu tư đang là đối tượng điều tra của cơ quan công an vì có dấu hiệu làm giả hồ sơ trái phiếu khách hàng.

Ngoài ra, HBB đang nắm giữ khoảng 600 tỷ đồng trái phiếu Vinashin. Việc Vinashin gặp khó khăn về tài chính sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến việc trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư trái phiếu của HBB.

Hoạt động kinh doanh tiền tệ trên thị trường 2 của HABUBANK trong thời gian qua cũng gặp phải những rủi ro tín dụng, trong đó có 270 tỷ đồng tiền gửi tại Công ty tài chính Cao su và hơn 200 tỷ đồng tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Dầu khí toàn cầu, Đệ Nhất, Tài chính Sông đà và Tài chính Handico. Các khoản tiền gửi này hiện đều đang chưa thu hồi được do đối tác khó khăn về thanh khoản.

3. Cơ cấu tài sản của HBB .

Cơ cấu tài sản của HBB cũng có thay đổi đáng kể qua các năm. Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng giảm dần tỷ trọng qua các năm (từ 36,8% năm 2008 xuống 11% năm 2011). Tỷ trọng đầu tư tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng giảm dần do Ngân hàng tập trung hơn vào danh mục cho vay và đầu tư chứng khoán, đặc biệt là trái phiếu chính phủ. Việc nắm giữ trái phiếu cũng cho phép HBB có các tài sản đảm bảo để thực hiện hoạt động vay liên ngân hàng và vay chiết khấu với NHNN.

So với các Ngân hàng cùng quy mô, cơ cấu cho vay khách hàng và tài sản đầu tư của HABUBANK chiếm tỷ trọng cao nhất (xấp xỉ 53% so với 47% của HDBank và 30% của ABBank tại thời điểm 31/12/2011 đối với hoạt động cho vay khách hàng và 29% so với 24% của HDBank và 18% của ABBank đối với hoạt động đầu tư).

Việc thay đổi cơ cấu tài sản làm giảm đáng kể tính thanh khoản của HBB, thêm vào đó là chất lượng tín dụng suy giảm, góp phần không nhỏ gây ra các khó khăn cho Ngân hàng giai đoạn cuối 2011 – đầu 2012.

Đối với cho vay khách hàng, tính đến năm 2007, với tình hình kinh tế thuận lợi, tổng dư nợ của HBB tăng trưởng ở mức từ 41 - 57%/năm, cao hơn trung bình ngành. Các năm tiếp theo tỷ lệ này tuy có giảm nhưng vẫn ở mức cao (trung bình khoảng 29%/năm kể từ năm 2008). Việc tăng trưởng quá nhanh một mặt thể hiện khả năng phát triển của Ngân hàng, mặt khác cũng ảnh hưởng đến việc kiểm soát chất lượng, và trên thực tế nhiều khoản trong số này hiện đã trở thành nợ xấu.

Tại thời điểm cuối năm 2011 và đến hiện tại, danh mục khách hàng của HBB chủ yếu bao gồm các khách hàng hoạt động trong lĩnh vực ngành nghề kinh doanh như đóng tàu, vận tải biển, sản xuất giấy, vật liệu xây dựng và năng lượng, là các khách hàng gặp nhiều khó khăn trong kinh doanh sản xuất giai đoạn vừa qua. Bên cạnh đó Ngân hàng cũng tập trung cho vay các doanh nghiệp trong Tập đoàn Vinashin, với số dư lên đến 2.745.347 triệu đồng tại ngày 29/2/2012 (chiếm 16% danh mục cho vay). Các diễn biến này ảnh hưởng nghiêm trọng đến khả năng thanh khoản của Ngân hàng cũng như khả năng sinh lời của danh mục tín dụng.

Đầu tư vào trái phiếu bao gồm trái phiếu chính phủ, trái phiếu do các tổ chức tín dụng phát hành và trái phiếu doanh nghiệp. Theo số liệu tại thời điểm 31/12/2011, tỷ trọng đầu tư vào trái phiếu chính phủ tương đối cao, chiếm tới 56,35%. Trái phiếu do các tổ chức tín dụng phát hành và trái phiếu doanh nghiệp lần lượt chiếm tỷ trọng là 24,25% và 19,41%. Điều đáng lưu ý là Ngân hàng đang nắm giữ 600.000 triệu đồng trái phiếu do Vinashin phát hành. Khả năng thu hồi trái phiếu này là thấp.

Ngoài ra, HBB nắm giữ các chứng khoán Nợ với mức lãi suất tương đối thấp, bình quân xấp xỉ 13%, trong khi chi phí giá vốn ở mức 14-15%

HBB đầu tư vào các chứng khoán Vốn với tỷ trọng không cao. Tuy nhiên, chất lượng đầu tư không hiệu quả. Hiện tại, Ngân hàng đang nắm giữ cổ phiếu của Công ty CP Thủy sản Bình An. Công ty này đang gặp khó khăn về thanh khoản, nguy cơ phá sản rất cao.

Tài sản có khác chiếm tới 11% tổng tài sản HBB tại thời điểm 31/3/2012. Tỷ trọng này là khá cao và ảnh hưởng lớn tới hệ số an toàn (CAR), trong đó các khoản ủy thác đầu tư chiếm 63%. Do đặc thù của việc quản lý các khoản ủy thác, có thể thấy việc HBB ủy thác cho các đối tác thực hiện các hoạt động tạo lợi nhuận sẽ tiềm ẩn rủi ro cao hơn việc Ngân hàng trực tiếp quản lý dòng tiền này.

Đối với hoạt động huy động vốn, HBB đặc biệt chú trọng đẩy mạnh huy động vốn từ thị trường I. Nguồn vốn huy động từ năm 2011 tăng 7% so với năm 2010, tuy nhiên tăng với tốc độ chậm dần. Trong đó huy động từ thị trường 1 đạt tốc độ tăng trưởng tốt (tăng trưởng 27% năm 2008, 37% năm 2009 và 20% trong 6 tháng đầu năm 2010). Huy động từ thị trường 2 giảm nhiều do ảnh hưởng của các biến động trên thị trường tiền tệ và chính sách siết chặt quản lý giao dịch trên thị trường 2 của NHNN.

Cơ cấu vốn huy động của HBB tập trung ở tiền gửi của khách hàng và tiền gửi, tiền vay từ các tổ chức tín dụng trong nước tương ứng là 64% và 21% tại thời điểm 29/2/2012. Cơ cấu này không khác biệt nhiều so với các Ngân hàng cùng quy mô, tuy nhiên chưa thực sự tối ưu do tỷ trọng của huy động từ khách hàng là còn tương đối thấp (theo thông lệ tốt nhất tỷ trọng này nên ở mức 80%) và dựa nhiều vào nguồn huy động liên ngân hàng, kéo theo chi phí huy động lớn.

Ngoài ra qua phân tích cơ cấu huy động khách hàng, có thể nhận thấy tỷ trọng huy động từ cá nhân vẫn còn ở mức thấp (23,66%) so với mức tối ưu (80% - 85%).

II. Kết quả Hoạt động Kinh doanh: ROA, ROE và Lợi nhuận sau thuế

Định vị thị trường một số NHTM năm 2011 theo ROA, ROE, và Lợi nhuận sau thuế:

Nhìn chung, so với một số Ngân hàng thuộc nhóm có quy mô lớn như ACB, TCB, MB, Exim Bank hay nhóm các ngân hàng có quy mô tương tự như HDBank, ABBBank, ROE và ROA của HABUBANK hiện đang thấp hơn. Các chỉ số này của HABUBANK cũng thấp hơn so với trung bình ngành (thể hiện bằng các đường kẻ đứt trên biểu đồ).

ROE: Trong các năm từ năm 2008 đến năm 2010, lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) đạt trung bình khoảng 12%-13%/năm, là mức tương đối cao so với một số ngân

hàng tương tự về quy mô và hoạt động (VD ABBank 8%/năm và HDBank là 9%/năm), tuy nhiên vẫn thấp hơn so với trung bình của ngành.

Riêng trong năm 2011, ROE của Ngân hàng giảm xuống còn 5%/năm và đặc biệt thấp hơn nhiều so với trung bình ngành (ROE trung bình ngành khoảng 15%). Các yếu tố chủ yếu tác động tới kết quả kinh doanh này bao gồm: thu thuần từ lãi hầu như không tăng trưởng, các hoạt động kinh doanh khác đều gặp khó khăn, chi phí hoạt động tăng cao.

- ▶ Thu thuần từ lãi của HABUBANK trong năm 2011 bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi các khoản cho vay các doanh nghiệp thuộc tập đoàn Vinashin (3.352 tỷ bao gồm cả 600 tỷ trái phiếu). Bình quân năm 2010 và 2011, HABUBANK phải ghi nhận xấp xỉ 500 tỷ lỗ từ chi phí giá vốn cho khoản đầu tư và cho vay này trong khi không ghi nhận được bất kỳ khoản doanh thu nào. Ngoài ra, đến tháng 11 năm 2011, HABUBANK đang xếp toàn bộ dư nợ này vào nhóm 2 (chiếm 17% tỷ trọng tổng dư nợ của HABUBANK) và tạm thời trích lập dự phòng 106 tỷ cho nhóm khách hàng này (trong đó 91 tỷ là trích lập dự phòng riêng theo nhóm 2);
- ▶ Ngoài nhóm Vinashin, HABUBANK có tỷ lệ nợ nhóm 5 tương đối cao trong tổng nợ xấu (gần 300 tỷ). Đây là các khoản nợ có khả năng mất vốn và nhiều khoản nợ không có đủ tài sản đảm bảo, do đó, HABUBANK phải trích lập dự phòng rất cao để bù đắp rủi ro, ảnh hưởng tới chỉ tiêu lợi nhuận;
- ▶ Thu từ lãi đầu tư trái phiếu của HABUBANK trong năm 2011 bị âm so với giá vốn. Hầu hết trái phiếu chính phủ có lãi suất đầu tư cố định và thấp hơn mức 12%, trong khi đó chi phí giá vốn ở mức 14-15%. Ngoài ra Ngân hàng cũng chịu rủi ro lãi suất từ việc đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp;
- ▶ Các mảng kinh doanh khác ngoài tín dụng như kinh doanh ngoại hối, đầu tư góp vốn, liên doanh liên kết trong năm 2011 đều không thu được các kết quả tích cực như mong muốn, kinh doanh ngoại hối năm 2011 đã tạo ra các khoản lỗ khoảng 105 tỷ đồng cho Ngân hàng;
- ▶ Chi phí hoạt động gia tăng nhanh chóng so với năm 2010 vì một số nguyên nhân như mở rộng mạng lưới, tăng chi phí lương cho cán bộ nhân viên trong điều kiện lạm phát cao và cạnh tranh nhân sự gay gắt trong ngành ngân hàng, chi phí quảng cáo truyền thông và chăm sóc khách hàng cũng gia tăng;

ROA: ROA của HBB giai đoạn 2008-2011 được giữ ở mức tương đối ổn định, 1%/năm, đạt mức trung bình so với một số ngân hàng tương tự về quy mô nhưng thấp hơn so với trung bình ngành.

III. Tỷ lệ nợ xấu theo VAS

Tỷ lệ nợ xấu trong giai đoạn 2008-2011 đã tăng lên từ 3,2% năm 2008 lên 4,4% vào năm 2011 (không bao gồm dư nợ cho vay Vinashin), so với các Ngân hàng cùng quy mô là tương đối cao (khoảng 2,5%). Nếu tính cả dư nợ cho vay Vinashin, tỷ lệ nợ xấu trong năm 2010 và 2011 là sẽ là 15,16% và 16,73%.

Nguyên nhân của xu hướng này là do danh mục tín dụng của Habubank kém đa dạng, tập trung cho vay một số khách hàng lớn và một số ngành nghề tiêu biểu thuộc các lĩnh vực ngành nghề kinh doanh như đóng tàu, vận tải biển, sản xuất giấy, vật liệu xây dựng và năng lượng. Đây là các nhóm khách hàng có chu kỳ sản xuất kinh doanh và vòng quay vốn tương đối dài hạn, lại chịu ảnh hưởng trực tiếp của các biến động kinh tế vĩ mô trong giai đoạn vừa qua.

IV. Một số chỉ tiêu an toàn trong hoạt động ngân hàng:

Một số chỉ số thanh khoản của ngân hàng như sau:

Chỉ tiêu	Quy định	31/12/2011	29/2/2012
Tổng tài sản "Có" thanh toán ngay trên Tổng Nợ phải trả	>15%	32,24%	27,09%
Tỷ lệ khả năng chi trả trong 7 ngày VND	>=1	1.79	1.78
Tỷ lệ khả năng chi trả trong 7 ngày USD	>=1	1.00	1.07
CAR	>9%	16,45%	18,81%
Vốn huy động ngắn hạn cho vay trung dài hạn	<30%	19,43%	22,51%

Tỷ lệ khả năng chi trả trong 7 ngày của HBB rất thấp. Như vậy, có thể thấy Ngân hàng đang gặp khó khăn thanh khoản. Ban Lãnh đạo Ngân hàng cần nhanh chóng tìm kiếm giải pháp để đưa Ngân hàng vượt qua tình hình khó khăn hiện nay.

PHẦN 2: PHÂN TÍCH VỀ ĐIỂM MẠNH VÀ ĐIỂM YẾU CỦA HAI NGÂN HÀNG

A. NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN - HÀ NỘI

Phân tích về các điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức của SHB như sau:

1. Điểm mạnh.

Có nền tảng vững mạnh cho sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.

Trong 5 năm gần đây SHB duy trì tốc độ phát triển cao về lượng và chất và mở rộng phạm vi hoạt động khắp các khu vực kinh tế trọng điểm của quốc gia.

SHB triển khai thành công hệ thống core banking, khung quản trị rủi ro, xây dựng được phong văn hóa doanh nghiệp phù hợp với con người và chiến lược kinh doanh của Ngân hàng. Trên hết, SHB có một danh mục khách hàng tốt, đa dạng nhiều tiềm năng và đã gắn bó nhiều năm với SHB. Đây là nền tảng quan trọng cho sự phát triển bền vững và lâu dài của SHB.

Có định hướng phát triển rõ ràng qua từng giai đoạn phù hợp với năng lực của SHB.

SHB định hướng phát triển kinh doanh rõ ràng phù hợp cho từng giai đoạn phát triển cạnh tranh tạo sự khác biệt trên thị trường. SHB đang mở rộng phạm vi hoạt động qua nước ngoài tại các nước khu vực Đông Dương nhằm đáp ứng nhu cầu mở rộng hoạt động kinh doanh và tài trợ thương mại cho các dự án của các khách hàng truyền thống của SHB trong lĩnh vực phát triển cây công nghiệp (cao su) và khai thác khoáng sản và các DN Việt Nam đầu tư tại các nước này. Đây sẽ là các hoạt động nhằm đa dạng hóa danh mục tín dụng và đầu tư để hỗ trợ và

bổ sung các hoạt động chính của SHB tại Việt Nam là tập trung vào khách hàng SME và cá nhân.

Đội ngũ lãnh đạo có năng lực và cam kết lâu dài vì sự phát triển bền vững của Ngân hàng.

Đội ngũ nhân sự cấp cao trong Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc được đánh giá là các cá nhân có năng lực và tầm nhìn chiến lược. Điều này rất quan trọng nhằm giúp Ngân hàng vượt qua những thời điểm khó khăn của nền kinh tế và tận dụng những cơ hội trong quá trình khủng hoảng để phát triển.

Đội ngũ lãnh đạo này cũng tạo niềm tin mạnh mẽ cho nhân viên, khách hàng và các cổ đông vào sự lãnh đạo của họ dẫn dắt SHB phát triển tốt trong tương lai.

Có sự ủng hộ và hỗ trợ đáng kể của các cổ đông trong quá trình phát triển của Ngân hàng.

Mặc dù là một doanh nghiệp niêm yết, nhưng SHB vẫn nhận được sự hỗ trợ rất tích cực từ các cổ đông lớn của SHB trong các dịch vụ ngân hàng, tiền gửi, tiền vay...vv.. Sự đóng góp của các cổ đông đối với sự thành công của Ngân hàng trong thời gian qua rất đáng ghi nhận, giúp SHB phát triển một cách ổn định và bền vững.

Nhận diện thương hiệu tốt

Việc tài trợ toàn bộ cho đồng bóng đá SHB Đà Nẵng đã giúp SHB nhanh chóng chiếm được cảm tình của một bộ phận không nhỏ khách hàng.

SHB đã tạo chỗ đứng thương hiệu trong phần lớn người dân và đây là cơ sở để SHB có chỗ đứng vững chắc trên thị trường.

2.Điểm yếu.

Cơ cấu bảng cân đối kế toán vẫn tập trung nhiều vào hoạt động tín dụng

Cơ cấu bảng cân đối kế toán hiện nay của Ngân hàng cho thấy hơn 70% tổng tài sản tập trung vào các hoạt động tín dụng và có tính chất tương tự như tín dụng.

Trong bối cảnh nền kinh tế vẫn chưa phục hồi như hiện nay, tỷ lệ dư nợ tín dụng cao trên tổng tài sản có thể chứa đựng những tiềm ẩn rủi ro tín dụng cho Ngân hàng khi khách hàng không có gặp khó khăn về thanh khoản và không trả nợ đúng hạn cho Ngân hàng.

3. Cơ hội.

Sáp nhập với các TCTD khác nhằm mở rộng quy mô và danh tiếng của Ngân hàng trên thị trường .

Quá trình tái cơ cấu hệ thống NHTM Việt Nam đã mở ra các cơ hội cho Ngân hàng mở rộng hoạt động kinh doanh và nâng tầm Ngân hàng lên một mức mới.

Trong bối cảnh NHNN kiểm soát gắt gao về tỷ lệ tăng trưởng tín dụng và mở rộng mạng lưới, việc Ngân hàng tiến hành sáp nhập với các TCTD khác là một biện pháp nhanh nhất nhằm mở rộng và tiếp cận danh mục khách hàng tiềm năng mới một cách nhanh nhất với chi phí thấp nhất.

Với quy mô hoạt động lớn hơn, Ngân hàng có cơ hội mở rộng các hoạt động cho vay, đầu tư và mạng lưới chi nhánh rộng để phục vụ một số lượng khách hàng nhiều hơn.

Tái cơ cấu lại Ngân hàng.

Việc sáp nhập cũng tạo cơ hội rất tốt cho Ngân hàng thực hiện quá trình tái cơ cấu một cách toàn diện nhằm tạo ra một diện mạo mới cho Ngân hàng sẵn sàng để phát triển sau giai đoạn kinh tế khủng hoảng.

Trong thời gian qua, Ngân hàng đã có ý định tiến hành tái cơ cấu về mặt tổ chức nhưng quy mô trung bình nhỏ đã làm cản trở quá trình này. Với một quy mô lớn hơn, Ngân hàng phải thực hiện các biện pháp tái cơ cấu nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, quản lý rủi ro tốt để hỗ trợ ngược lại cho Ngân hàng trong quá trình phát triển bền vững.

Mở rộng phạm vi hoạt động ở các thị trường mới.

Việc mở rộng hoạt động kinh doanh tại Lào và Campuchia sẽ giúp Ngân hàng cân đối và phân tán hoạt động kinh doanh nhằm tạo ra thêm các cơ hội kinh doanh cho Ngân hàng.

Ngân hàng có kế hoạch phục vụ một lực lượng đáng kể các nhà đầu tư Việt Nam tìm kiếm các cơ hội kinh doanh tại Lào và Campuchia và đây sẽ được coi là các thị trường tương lai của Ngân hàng trong thời gian tới.

4. Thách thức

► *Khủng hoảng kinh tế gây ra nhiều nợ xấu cho Ngân hàng.*

Nền kinh tế vẫn đang chưa phục hồi sau giai đoạn khủng hoảng trầm trọng vừa qua, điều này sẽ dẫn đến nhiều khách hàng không trả nợ đúng hạn, phải xin gia hạn hay tái cơ cấu, sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng tín dụng của Ngân hàng.

Cạnh tranh khốc liệt trong phân khúc khách hàng SME và cá nhân.

Phân khúc khách hàng SME và cá nhân hiện đang có hàng chục ngân hàng thương mại chọn làm phân khúc chính trong chiến lược kinh doanh vì thế, Ngân hàng sẽ gặp rất nhiều cạnh tranh trong việc phát triển kinh doanh trong chiến lược này mặc dù phân khúc khách hàng này rất lớn và rất tiềm năng.

B. NGÂN HÀNG TMCP NHÀ HÀ NỘI

Phân tích về các điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức của HBB như sau:

1. Điểm mạnh.

► *Có lịch sử phát triển ổn định qua nhiều thời kỳ phát triển khác nhau của nền kinh tế Việt Nam, là nền tảng cho sự phát triển bền vững của một định chế tài chính.*

Trải qua nhiều giai đoạn phát triển của nền kinh tế, Ngân hàng đã tỏ ra thích nghi rất nhanh và tận dụng các cơ hội chuyển đổi của nền kinh tế để phát triển.

Giai đoạn 1997 – 2000 - Giai đoạn khủng hoảng của nền kinh tế trong khu vực: Trong giai đoạn này, Ngân hàng đã khẳng định được chỗ đứng của mình trong hệ

thống ngân hàng thương mại cổ phần phía Bắc và được coi là một trong những mô hình ngân hàng thương mại cổ phần thành công.

Giai đoạn 2005 – 2007 - Giai đoạn phát triển của thị trường chứng khoán: Mặc dù có khá nhiều ngân hàng thương mại cổ phần khác phát triển rất nhanh trong giai đoạn này nhưng Ngân hàng vẫn duy trì được vị thế của mình trên thị trường và được coi là một trong những ngân hàng có giao dịch nhiều nhất trên thị trường OTC với giá giao dịch thuộc loại cao nhất trong nhóm các ngân hàng thương mại cổ phần.

Giai đoạn 2007 – 2012 - Giai đoạn khủng hoảng của nền kinh tế Việt Nam: Trong giai đoạn này, Ngân hàng tỏ ra yếu thế hơn so với các TCTD khác do thiếu chiến lược phát triển tham vọng và lâu dài. Tốc độ tăng trưởng tổng tài sản bình quân hàng năm của Ngân hàng thuộc loại trung bình.

Điểm chung trong cả ba giai đoạn trên là Ngân hàng vẫn duy trì chỗ đứng của mình ở thị trường phía Bắc và luôn được coi là Ngân hàng hoạt động an toàn, hiệu quả và điều này đã thu hút được sự quan tâm của DB, một trong những ngân hàng đầu tư hàng đầu thế giới, trở thành cổ đông chiến lược của Ngân hàng.

► *Có nền tảng văn hóa doanh nghiệp và khách hàng vững chắc.*

Trong hơn 23 năm hoạt động từ ngày thành lập, Ngân hàng đã duy trì và phát triển văn hóa doanh nghiệp độc đáo, phù hợp với văn hóa người Việt Nam, khuyến khích nhân viên tôn vinh giá trị văn hóa cốt lõi và tạo điều kiện tối đa để nhân viên phát huy và đóng góp hết khả năng của mình cho Ngân hàng với mục tiêu cùng chia sẻ lợi ích tạo ra từ sự phát triển của doanh nghiệp.

Ngân hàng cũng chú trọng xây dựng các mối quan hệ gần gũi với khách hàng. Rất nhiều khách hàng của Ngân hàng được Ngân hàng tài trợ từ những ngày đầu bước vào kinh doanh và ngày nay trở thành những tập đoàn doanh nghiệp tư nhân hàng đầu của Việt Nam.

Có hệ thống quy chế, quy trình hoạt động kinh doanh được củng cố, bổ sung qua các dự án hỗ trợ kỹ thuật của đối tác chiến lược là Deutsche Bank

Deutsche Bank, một trong những ngân hàng đầu tư hàng đầu thế giới, là cổ đông chiến lược của Ngân hàng. Theo đó, Ngân hàng có cơ hội tiếp cận được những thông lệ quốc tế và quy trình hoạt động kinh doanh tiên tiến.

2. Điểm yếu

Thiếu chiến lược phát triển tham vọng và dài hạn

Một trong những vấn đề của Ngân hàng trong thời gian vừa qua là thiếu động lực phát triển, không có những kế hoạch phát triển tham vọng và mở rộng hoạt động kinh doanh. Điều này gây ra những hậu quả đáng tiếc cho Ngân hàng gồm: không có khả năng cạnh tranh mạnh mẽ khi thị trường khủng hoảng; không có khả năng thích nghi tốt khi tình hình có những dấu hiệu bất lợi đối với thị trường/sản phẩm truyền thống của Ngân hàng.

Đồng thời, để bắt kịp với các đối thủ cạnh tranh đã thực hiện những thay đổi toàn diện với kế hoạch tái cơ cấu đầy tham vọng, Ngân hàng đã phải chấp nhận thực hiện một số nghiệp vụ có tính rủi ro kinh doanh và rủi ro pháp lý tương đối cao nhằm tối đa hóa lợi nhuận trong thời

gian ngắn và điều này đã gây rủi ro cho Ngân hàng khi thị trường đảo chiều hoặc khi phát sinh các tranh chấp.

Định vị mục tiêu và vị trí của Ngân hàng trong hệ thống ngân hàng không rõ ràng và không bắt kịp với nhu cầu của khách hàng.

Mặc dù Ngân hàng đã định hình cho mình phân khúc khách hàng phù hợp là các doanh nghiệp sản xuất thương mại dịch vụ có quy mô vừa và nhỏ và các khách hàng cá nhân. Tuy nhiên, phân khúc khách hàng này rất chật chội do số lượng các ngân hàng khác có cùng phân khúc khách hàng với Ngân hàng lên đến hàng chục. Điều này tạo ra áp lực cạnh tranh rất lớn cho Ngân hàng.

Ngoài ra, Ngân hàng không bắt kịp với tốc độ phát triển và nhu cầu của khách hàng khi các doanh nghiệp liên tục mở rộng phạm vi hoạt động ra các khu vực và các vùng kinh tế trọng điểm. Hệ quả là các khách hàng có ít lựa chọn hơn khi giao dịch với Ngân hàng do Ngân hàng bị hạn chế về mạng lưới chi nhánh và công nghệ.

Các dịch vụ ngân hàng giản đơn, sản phẩm không đa dạng, không mang tính đột phá hay dấu ấn riêng của Ngân hàng.

Ngân hàng có rất ít các sản phẩm mang tính dấu ấn hay đột phá trên thị trường. Điều này làm cho Ngân hàng luôn bị chậm chân trong các cuộc đua giành giật thị trường giữa các ngân hàng và ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng danh mục khách hàng của Ngân hàng.

Hoạt động tương đối độc lập và lẻ loi, thiếu mạng lưới các công con, con ty liên kết hoạt động hiệu quả để phát triển bán chéo sản phẩm, tăng cường thu phí. Không có đóng góp của một định chế tài chính đa năng.

Hiện nay Ngân hàng có một công ty con hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán. Tuy nhiên, do quy mô nhỏ, công ty con này đóng góp không đáng kể trong tổng kết quả kinh doanh hợp nhất của Ngân hàng.

Ngân hàng không có một mạng lưới các công ty liên kết có thể giúp Ngân hàng tìm kiếm thêm các cơ hội gia tăng tỷ trọng phân thu nhập ngoài lãi thông qua các hình thức bán chéo sản phẩm, làm dịch vụ đại lý.

Các cổ đông không hỗ trợ nhiều cho Ngân hàng trong quá trình hoạt động kinh doanh.

Có thể nói các cổ đông của Ngân hàng không hỗ trợ nhiều cho Ngân hàng trong quá trình hoạt động kinh doanh. Các cổ đông, kể cả cổ đông chiến lược DB, ngoài các hỗ trợ kỹ thuật đã cung cấp cho Ngân hàng, không có những phối kết hợp với Ngân hàng để đẩy mạnh các hoạt động kinh doanh mà cổ đông có thể mạnh như cho vay đồng tài trợ, dịch vụ ngân hàng đầu tư...

Quản trị điều hành chưa hiệu quả, quản lý chưa sát sao, quản trị rủi ro yếu.

Mặc dù cơ cấu quản trị của Ngân hàng phù hợp với thông lệ, nhưng mang tính khép kín rất cao.

Ngân hàng không có các thành viên độc lập tham gia các ủy ban. Số lượng thành viên HĐQT tham gia kiêm nhiệm điều hành quá nhiều làm ảnh hưởng đáng kể đến việc vạch ra chiến lược phát triển cho Ngân hàng, thiếu các ủy ban chiến lược do các chuyên gia trong lĩnh vực này đứng đầu.

3. Cơ hội

Các vấn đề của Ngân hàng khá tập trung nên dễ giải quyết

Mặc dù Ngân hàng có một số vấn đề liên quan đến cơ chế quản trị doanh nghiệp, tuy nhiên do quy mô Ngân hàng nhỏ và các vấn đề khá tập trung nên Ngân hàng có thể dễ dàng triển khai các biện pháp để xử lý và khắc phục.

Do số lượng thành viên hội đồng quản trị hạn chế và các thành viên đã có nhiều năm làm việc với nhau nên việc có tiếng nói thống nhất nhằm quyết định các vấn đề quan trọng liên quan đến tương lai của Ngân hàng sẽ được giải quyết nhanh chóng.

Hệ thống quản trị doanh nghiệp chặt chẽ và đơn giản nên dễ dàng thực hiện việc chuyển đổi mô hình và tái cấu trúc lại

Với cơ hệ thống quản trị doanh nghiệp hiện tại, Ngân hàng sẽ không mất nhiều thời gian để triển khai các ý tưởng mới, mang tính đột phá.

Nhà đầu tư tiềm năng cũng có thể đề xuất các ý tưởng mới hoặc áp dụng các mô hình quản trị hiện đại tại Ngân hàng và các vấn đề này có thể được triển khai ngay mà không tốn quá nhiều chi phí và thời gian để xử lý các tồn tại hoặc xóa bỏ mô hình hiện tại.

Nền tảng về khách hàng, nhân sự và hệ thống CNTT khá tốt, đây là nền tảng quan trọng nhằm giúp Ngân hàng có thể thực hiện thành công quá trình tái cấu trúc

Việc đầu tư hoặc tham gia vốn của các nhà đầu tư mới vào Ngân hàng có thể tạo ra hiệu quả tích cực tích thời do nền tảng khách hàng và hệ thống CNTT hiện tại hoàn toàn đủ sức đáp ứng các nhu cầu tái cơ cấu và phát triển trong khoảng thời gian 1 – 2 năm tới mà không cần đầu tư vào cơ sở hạ tầng và hệ thống CNTT quá nhiều.

4. Thách thức

Rủi ro về việc HBB không duy trì được tình hình thanh khoản và khả năng cung ứng vốn cho khách hàng làm cho Ngân hàng rơi vào tình trạng mất thanh khoản và mất các khách hàng truyền thống vào tay các TCTD khác.

CHƯƠNG 3: TÓM TẮT VỀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA HAI NGÂN HÀNG TẠI THỜI ĐIỂM SÁP NHẬP

TÓM TẮT VỀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA HAI NGÂN HÀNG TẠI THỜI ĐIỂM SÁP NHẬP

* Đề án sử dụng số liệu báo cáo tài chính của hai ngân hàng thống nhất tại thời điểm 29/02/2012.

* Riêng đối với HBB, Đề án sử dụng số liệu của Báo cáo Đánh giá Chất lượng Tài sản có và Các khoản Dự phòng liên quan của Ngân hàng, được lập cho mục đích đặc biệt đề ra trong Công văn số 50/NHNN-TTGS.m ngày 15 tháng 2 năm 2012 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Số liệu trong Báo cáo này cũng phù hợp và nhất quán với kết luận của Thanh tra Ngân hàng Nhà nước.

	<i>SHB</i> <i>triệu đồng</i>	<i>HBB</i> <i>triệu đồng</i>	<i>Ngân hàng</i> <i>sáp nhập</i> <i>triệu đồng</i>
	29.02.2012	29.02.2012	29.02.2012
TÀI SẢN			
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	416.857	303.852	720.709
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNN”)	1.091.724	76.759	1.168.483
Tiền, vàng gửi tại và cho vay các TCTD khác	12.669.504	2.511.790	15.181.294
Tiền, vàng gửi tại TCTD khác	12.669.504	2.738.312	15.407.816
Dự phòng rủi ro cho vay các TCTD khác	-	-226.522	-226.522
Chứng khoán kinh doanh	19.736	9.761	29.497
Chứng khoán kinh doanh	41.58	24.11	65.69
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	-21.844	-14.349	-36.193
Các công cụ tài chính phái sinh và các TSTC khác	4.136	-	4.136
Cho vay khách hàng	28.958.074	14.347.903	43.305.977
Cho vay khách hàng	29.379.754	17.168.984	46.548.738

	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	-421.68	(2.821.081)	-2.863.249
Chứng khoán đầu tư		14.012.068	11.048.315	25.060.383
	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	11.901.914	7.201.198	19.103.112
	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	2.124.840	4.248.382	6.373.222 (**)
	Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	-14.686	-401.265	-415.951
Góp vốn, đầu tư dài hạn		333.313	204.386	537.699
	Đầu tư dài hạn khác	334.289	270.359	604.648
	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-976	-65.973	-66.949
Tài sản cố định		2.275.692	233.636	2.509.328
Tài sản có khác		6.790.101	4.571.339	11.361.440
	Các khoản phải thu	2.861.779	496.697	3.358.476
	Các khoản lãi, phí phải thu	2.200.941	828.218	3.029.159
	Tài sản thuế TNDN hoãn lại		-	
	Tài sản Có khác	1.727.487	3.993.616	5.721.103
	<i>Trong đó: Lợi thế thương mại</i>		-	
	Dự phòng RR các TS Có nội bảng khác	-107	-747.192	-747.299
TỔNG TÀI SẢN		66.571.206	33.307.741	99.878.947
NỢ PHẢI TRẢ				
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN		981.342	997.306	1.978.648
Tiền gửi và vay các TCTD khác		10.592.201	7.060.552	17.652.753
	Tiền gửi của các TCTD khác	9.626.545	6.956.474	16.583.019
	Vay các TCTD khác	965.656	104.078	1.069.734
Tiền gửi của khách hàng		39.312.505	21.209.811	60.522.316
Các công cụ tài chính phái sinh và các công nợ tài chính khác		-	4.978	4.978
Vốn tài trợ, UTĐT, cho vay mà TCTD chịu rủi ro		226.528	179.044	405.572
Phát hành giấy tờ có giá		8.529.941	2.944.392	11.474.333(**)
Các khoản nợ khác		1.000.270	716.319	1.716.589

	Các khoản lãi, phí phải trả	788.540	520.974	1.309.514
	Các khoản phải trả và CN khác	187.044	187.122	374.166
	Dự phòng rủi ro khác	24.685	8.223	32,908
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	60.642.786	33.112.402	93.755.188
	VỐN CHỦ SỞ HỮU			
	Vốn và các quỹ			
	<i>Vốn của TCTD</i>	4.908.536	4.051.455	8.959.991
	Vốn điều lệ	4.815.796	4.050.000	8.865.796
	Thặng dư vốn cổ phần	98.000	1.455	99.455
	Cổ phiếu quỹ	-5.260	-	-5.260
	<i>Quỹ của TCTD (đã trích đến 31/12/2011)</i>	278.109	208.287	(*) 486.396
	<i>Chênh lệch đánh giá lại tỷ giá</i>	-5.060	-	-5.060
	<i>Lợi nhuận chưa phân phối</i>	646.910	(4.066.513)	(4.066.513)
	<i>Trong đó: + Đã tạm ứng cổ tức 8%</i>	384.867		
	<i>+ Lợi nhuận chưa phân phối để trả cổ tức năm 2011</i>	240.541		
	<i>+ Các quỹ khác của TCTD</i>	21.502		
	<i>Lợi nhuận trước thuế đến 29/2/2012</i>	100.671		100.671
	<i>Thuế TNDN nộp năm 2012</i>	-748		-748
	TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	5.928.420	193.228	6.121.648
	LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	-	2.111	2.111
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ & VỐN CHỦ SỞ HỮU	66.571.206	33.307.741	99.878.947

(*): Quỹ của Ngân hàng sau khi sáp nhập bao gồm lũy kế các quỹ mà SHB và HBB trích lập từ lợi nhuận sau thuế đến năm 2011.

(**): Cấn trừ các nghiệp vụ giữa SHB và HBB. Tại thời điểm 29/02/2012, hai ngân hàng có thực hiện nghiệp vụ mua bán trái phiếu với nhau.

* Do sử dụng số liệu của Báo cáo Đánh giá chất lượng Tài sản Có và Các khoản Dự phòng liên quan, HBB chịu khoản lỗ lũy kế lên tới 4.066 tỷ đồng (trên cơ sở trích lập dự phòng đối với các khoản cho vay, đầu tư ở mức rủi ro lớn nhất có thể xảy ra). Một trong những nguyên nhân chính là do trích lập đầy đủ dự phòng rủi ro cho các khoản cho vay Tập đoàn Vinashin, với tổng giá trị trích lập lên tới 1.860 tỷ đồng và Trái phiếu Vinashin là 376,26 tỷ đồng.

* Tuy nhiên, để đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông cũng như tạo thuận lợi cho sự phát triển của Ngân hàng sau sáp nhập trong việc tìm kiếm các nhà đầu tư chiến lược, hoạt động huy động nguồn và các hoạt động khác, Ngân hàng sau sáp nhập xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án trích lập dự phòng rủi ro đầy đủ cho các khoản cho vay và đầu tư trái phiếu của Vinashin trong vòng 5 năm, mỗi năm khoảng 372 tỷ đồng dự phòng cho vay và 75,2 tỷ đồng dự phòng trái phiếu Vinashin. Theo đó, số lỗ lũy kế tại thời điểm 29/02/2012 sẽ giảm tương ứng. Cụ thể:

	Trích lập đầy đủ tại thời điểm 29/02/2012	Lỗ lũy kế tại thời điểm 29.2.2012 (không bao gồm các khoản dự phòng cho vay Vinashin và Trái phiếu Vinashin)
Lỗ lũy kế	(4.066.514)	1.829.946
<i>Trong đó:</i>		
<i>Dự phòng rủi ro cho các khoản cho vay Vinashin</i>	<i>1.860.305</i>	
<i>Số dư dự phòng trái phiếu Vinashin</i>	<i>376.263</i>	

* Sau sáp nhập SHB sẽ tiến hành trích lập đầy đủ dự phòng rủi ro cho các khoản cho vay Vinashin trong vòng 5 năm sau sáp nhập, đồng thời, để giảm dần tỷ lệ nợ xấu, Sau sáp nhập SHB sẽ sử dụng nguồn dự phòng rủi ro đã trích lập để xử lý từng phần nợ vay này.

Theo đó, Bảng cân đối sau sáp nhập của SHB tại thời điểm sáp nhập dự kiến là 29/02/2012 như sau:

	<i>SHB triệu đồng</i>	<i>HBB triệu đồng</i>	<i>Ngân hàng sáp nhập triệu đồng</i>
	<i>29.02.2012</i>	<i>29.02.2012</i>	<i>29.02.2012</i>
TÀI SẢN			
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	416.857	303.852	720.709
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNN")	1.091.724	76.759	1.168.483
Tiền, vàng gửi tại và cho vay các TCTD khác	12.669.504	2.511.790	15.181.294
Tiền, vàng gửi tại TCTD khác	12.669.504	2.738.312	15.407.816
Dự phòng rủi ro cho vay các TCTD khác	-	(226.522)	(226.522)
Chứng khoán kinh doanh	19.736	9.761	29.497
Chứng khoán kinh doanh	41.580	24.110	65.690
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(21.844)	(14.349)	(36.193)

	<i>SHB</i> <i>triệu đồng</i>	<i>HBB</i> <i>triệu đồng</i>	<i>Ngân hàng</i> <i>sáp nhập</i> <i>triệu đồng</i>
	29.02.2012	29.02.2012	29.02.2012
Các công cụ tài chính phái sinh và các TSTC khác	4.136	-	4.136
Cho vay khách hàng	28.958.074	16.208.208	45.166.282
Cho vay khách hàng	29.379.754	17.168.984	46.548.738
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	(421.680)	(960.776)	(1,382,456)
Chứng khoán đầu tư	14.012.068	11.424.578	25.436.646
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	11.901.914	7.201.198	19.103.112
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	2.124.840	4.248.382	6.373.222 (**)
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	(14.686)	(25.002)	(39.688)
Góp vốn, đầu tư dài hạn	333.313	204.386	537.699
Đầu tư dài hạn khác	334.289	270.359	604.648
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(976)	(65.973)	(66.949)
Tài sản cố định	2.275.692	233.636	2.509.328
Tài sản có khác	6.790.101	4.571.339	11.361.440
Các khoản phải thu	2.861.779	496.697	3.358.476
Các khoản lãi, phí phải thu	2.200.941	828.218	3.029.159
Tài sản thuế TNDN hoãn lại		-	
Tài sản Có khác	1.727.487	3.993.616	5.721.103
Dự phòng RR các TS Có nội bảng khác	(107)	(747.192)	(747.299)
TỔNG TÀI SẢN	66.571.206	35.544.309	102.115.515
NỢ PHẢI TRẢ			
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	981.342	997.306	1.978.648
Tiền gửi và vay các TCTD khác	10.592.201	7.060.552	17.652.753
Tiền gửi của các TCTD khác	9.626.545	6.956.474	16.583.019
Vay các TCTD khác	965.656	104.078	1.069.734
Tiền gửi của khách hàng	39.312.505	21.209.811	60.522.316
Các công cụ tài chính phái sinh và các công nợ tài chính khác	-	4.978	4.978
Vốn tài trợ, UTĐT, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	226.528	179.044	405.572
Phát hành giấy tờ có giá	8.529.941	2.944.392	11.474.333(**)
Các khoản nợ khác	1.000.270	716.319	1.716.589
Các khoản lãi, phí phải trả	788.540	520.974	1.309.514
Các khoản phải trả và CN khác	187.044	187.122	374.166

	<i>SHB</i> <i>triệu đồng</i>	<i>HBB</i> <i>triệu đồng</i>	<i>Ngân hàng</i> <i>sáp nhập</i> <i>triệu đồng</i>
	29.02.2012	29.02.2012	29.02.2012
Dự phòng rủi ro khác	24.685	8.223	32,908
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	60.642.786	33.112.402	93.755.188
VỐN CHỦ SỞ HỮU			
Vốn và các quỹ			
Vốn của TCTD	4.908.536	4.051.455	8.959.991
Vốn điều lệ	4.815.796	4.050.000	8.865.796
Thặng dư vốn cổ phần	98.000	1.455	99.455
Cổ phiếu quỹ	(5.260)	-	(5.260)
Quỹ của TCTD (đã trích đến 31/12/2011)	278.109	208.287	(*) 486.396
Chênh lệch đánh giá lại tỷ giá	(5.060)	-	(5.060)
Lợi nhuận chưa phân phối	646.910	(1.829.946)	(1.183.036)
Trong đó: + Đã tạm ứng cổ tức 8%	384.867		
+ Lợi nhuận chưa phân phối để trả cổ tức năm 2011	240.541		
+ Các quỹ khác của TCTD	21.502		
Lợi nhuận trước thuế đến 29/2/2012	100.671		
Thuế TNDN năm 2012 đã nộp	(748)		
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	5.928.420	2.429.796	8.358.216
LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	-	2.111	2.111
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ & VỐN CHỦ SỞ HỮU	66.571.206	35.544.309	102.115.515

(*): Quỹ của Ngân hàng sau khi sáp nhập bao gồm lũy kế các quỹ mà SHB và HBB trích lập từ lợi nhuận sau thuế đến năm 2011.

(**): Cấn trừ các nghiệp vụ giữa SHB và HBB. Tại thời điểm 29/02/2012, hai ngân hàng có thực hiện nghiệp vụ mua bán trái phiếu với nhau.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của HBB trước và sau khi sáp nhập:

*Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của HBB cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2012 đến ngày 29 tháng 2 năm 2012 đã được kiểm toán soát xét đặc biệt theo yêu cầu của NHNN và tạo ra một khoản lỗ khoảng **4.066** tỷ đồng. Tuy nhiên, để đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông cũng như tạo thuận lợi cho sự phát triển của Ngân hàng sau sáp nhập, Ngân hàng SHB sau sáp nhập dự kiến xin cổ đông thông qua phương án trích dự phòng rủi ro cho các khoản cho vay và đầu tư trái phiếu của Vinashin trong vòng 5 năm, mỗi năm khoảng 372 tỷ đồng dự phòng cho vay và 75,2 tỷ

đồng dự phòng trái phiếu Vinashin. Theo đó, số lỗ lũy kế HBB tại thời điểm 29/02/2012 sẽ là **1.829 tỷ đồng**.

*Kể từ thời điểm sáp nhập kết quả hoạt động kinh doanh của HBB sẽ được gộp vào SHB. Do vậy, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng sau sáp nhập cho năm tài chính 2012 bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của SHB từ ngày 1 tháng 1 năm 2012 đến ngày 31 tháng 12 năm 2012 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của HBB từ ngày 1 tháng 3 năm 2012 đến ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Một số vấn đề của Ngân hàng sau sáp nhập.

Có thể thấy một số vấn đề của Ngân hàng sau sáp nhập như sau:

- ▶ Tỷ lệ nợ xấu và nợ quá hạn cao, lần lượt là 12,88% và 21,32%. Tỷ lệ nợ xấu cao, nguyên nhân chủ yếu phát sinh từ các khoản cho vay Tập đoàn Vinashin.
- ▶ Lỗ lũy kế phát sinh là 1.829.946 triệu đồng

Các giải pháp tài chính

Để giải quyết các vấn đề trên, Ngân hàng sau sáp nhập sẽ áp dụng một số giải pháp như sau:

- ▶ Trích lập dự phòng cho các khoản cho vay Tập đoàn Vinashin

Ngân hàng sẽ tiến hành trích lập đầy đủ dự phòng rủi ro cho các khoản cho vay Vinashin trong vòng 5 năm. Theo đó, mỗi năm, ước tính trích khoảng 372 tỷ đồng.

- ▶ Trích lập dự phòng cho trái phiếu Vinashin,

Ngân hàng sẽ tiến hành trích lập đầy đủ dự phòng rủi ro cho trái phiếu do Vinashin phát hành trong vòng 5 năm. Theo đó, mỗi năm, ước tính trích khoảng 72, tỷ đồng

- ▶ Tỷ lệ nợ xấu cao:

Về bản chất, tỷ lệ nợ xấu cao của Ngân hàng tại thời điểm sáp nhập chủ yếu từ các khoản cho vay Tập đoàn Vinashin. Tuy nhiên, Ngân hàng sẽ tiến hành trích lập dự phòng đầy đủ trong vòng 5 năm tiếp theo sau khi sáp nhập. Do đó, để giải quyết vấn đề này, Ngân hàng sau sáp nhập có thể sử dụng nguồn dự phòng rủi ro tín dụng để xử lý từng phần các khoản cho vay Vinashin, theo đó, tỷ lệ nợ xấu sẽ giảm.

Đối với các khoản nợ xấu ngoài Vinashin:

- ✓ Cơ cấu lại các khoản nợ xấu (2.221 tỷ), tập trung giải quyết trong vòng 6 – 12 tháng
 - ✓ Trích lập dự thêm phòng rủi ro
 - ✓ Xử lý đối với nợ tín dụng có tài sản bảo đảm: Chủ động bàn bạc với khách hàng thống nhất số vốn và lãi phải thanh toán cho Ngân hàng, tạo điều kiện cho khách hàng tìm người mua tài sản để giải quyết nợ hoặc thỏa thuận về giá tài sản để phát mại theo các hình thức như tự bán công khai trên thị trường
- ▶ Công tác thu hồi nợ xấu đã xử lý, tiền gửi tại các tổ chức tín dụng có rủi ro cao, và khoản ủy thác đầu tư:

Ngân hàng sẽ đẩy mạnh công tác thu hồi các khoản nợ và các khoản phải thu có mức độ rủi ro cao.

Ngay sau khi sáp nhập, Ngân hàng sẽ đẩy mạnh công tác thu hồi nợ gốc và nợ lãi của các hợp đồng tại các tổ chức tín dụng đang được đánh giá là có khả năng thu hồi thấp. Dựa vào các thông tin thu thập được và thiện chí trả nợ của các tổ chức tín dụng, khả năng thu hồi các khoản nợ này là 100% (khoảng 236 tỷ đồng)

Đối với nghiệp vụ ủy thác, Ngân hàng ước tính thu hồi được khoảng 300 tỷ đồng. Trong đó, bao gồm việc thu hồi khoản tiền đầu tư vào Công ty CP Thủy Sản Bình An. Ngân hàng HBB đã thực hiện xong việc thương thảo với Công ty, theo đó, khả năng hoàn trả là rất cao (100%). Do vậy, năm 2012, khoản thu từ hoàn nhập dự phòng rủi ro của các khoản ủy thác đầu tư vào công ty này là 125 tỷ đồng. Ngoài ra, khả năng thu hồi một số khoản ủy thác đầu tư khác khoảng 30% đến 50%.

► **Xử lý lỗ lũy kế phát sinh trước khi sáp nhập:**

Ngân hàng sau sáp nhập sẽ dùng lợi nhuận từ kết quả kinh doanh của Ngân hàng sau sáp nhập trong các năm 2012 để bù đắp.

► **Giải quyết hỗ trợ thanh khoản cho HBB:**

Theo báo cáo tài chính của SHB thì SHB hoàn toàn có khả năng hỗ trợ thanh khoản cho HBB trong thời gian triển khai giao dịch sáp nhập.

KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH 3 NĂM SAU SÁP NHẬP VÀ CÁC XỬ LÝ TÀI CHÍNH SAU SÁP NHẬP

Bảng cân đối kế toán của Ngân hàng sau khi sáp nhập

	<i>31/12/2012</i>	<i>31/12/2013</i>	<i>31/12/2014</i>
	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>
TÀI SẢN CÓ			
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	733.277	1.006.604	1.527.595
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	1.194.765	1.673.980	2.580.077
Tiền, vàng gửi và cho vay các tổ chức tín dụng (“TCTD”) khác	27.953.235	44.543.882	54.652.658
Chứng khoán kinh doanh	30.802	130.802	230.802
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	4.963	5.954	7.146
Cho vay khách hàng	56.783.757	65.898.426	81.971.312
Cho vay khách hàng	58.134.528	67.121.365	83.105.568
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	(1.350.771)	(1.222.939)	(1.134.256)

	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2014
	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>
Chứng khoán đầu tư	35.982.815	37.979.378	41.574.254
Góp vốn, đầu tư dài hạn	591.469	680.189	1.082.218
Tài sản cố định	3.759.044	4.034.949	4.590.191
Tài sản cố khác	6.137.262	6.371.564	8.623.711
TỔNG TÀI SẢN CÓ	132.171.389	162.725.728	196.839.963
TÀI SẢN NỢ			
Các khoản vay Chính phủ và NHNN	4.467.171	6.613.888	8.775.277
Tiền gửi và vay các TCTD khác	24.361.767	42.286.885	45.389.999
Tiền gửi của khách hàng	83.626.779	91.152.135	109.582.562
Các công cụ tài chính phái sinh và các công nợ tài chính khác	5.227	5.750	6.325
Phát hành giấy tờ có giá	8.330.268	9.996.322	15.995.586
Vốn tài trợ ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	434.978	521.974	2.626.369
Các khoản nợ khác	1.313.854	2.247.288	4.270.910
VỐN CHỦ SỞ HỮU			
Vốn điều lệ và các quỹ			
Vốn điều lệ	8.865.795	8.865.795	8.865.795
Thặng dư vốn cổ phần	99.455	99.455	99.455
Cổ phiếu quỹ	(5.260)	(5.260)	(5.260)
Các quỹ dự trữ	675.089	810.106	972.128
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	(5.845)	(5.845)	(5.845)
Lợi nhuận chưa phân phối	-	135.126	264.552
VỐN CHỦ SỞ HỮU	9.629.234	9.899.377	10.190.824
LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	2.111	2.111	2.111
TỔNG TÀI SẢN NỢ	132.171.389	162.725.728	196.839.963

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng sau khi sáp nhập:

	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2014
	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>
Thu nhập lãi thuần	2,553,465	3,734,259	4,804,399

Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	362,138	454,565	577,478
Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	97,780	143,002	201,602
(Lỗ)/Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư và đầu tư dài hạn khác	17,763	15,988	99,185
Thu nhập từ góp vốn mua cổ phần	11,075	12,138	24,565
Thu nhập thuần từ hoạt động khác	1,159,653	809,276	403,084
TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG	4,201,874	5,169,228	6,110,313
TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	-1,915,565	-2,438,614	-2,945,157
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	2,286,309	2,730,614	3,165,156
Chi phí dự phòng rủi ro trái phiếu Vinashin	-75,253	-75,253	-75,253
Hoàn nhập dự phòng rủi ro tiền gửi tại TCTD	226,522	-	-
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	-587,288	-540,445	-573,401
TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ TRONG NĂM TÀI CHÍNH	1,850,290	2,114,916	2,516,502

Thuyết minh về kết quả kinh doanh và tình hình tài chính của Ngân hàng trong 3 năm 2012-2014 như sau:

- ▶ Năm 2012, Ngân hàng sau sáp nhập sẽ cố gắng bù đắp toàn bộ lỗ lũy kế phát sinh trong quá trình sáp nhập của HBB

Theo kết quả kinh doanh của SHB trong năm 2011 kế hoạch kinh doanh năm 2012 của SHB trước khi sáp nhập SHB dự kiến lợi nhuận trước thuế hơn 1.250 tỷ đồng và căn cứ theo số liệu kết quả kinh doanh bình thường của HBB trong các năm trước (trước khi xảy ra các khó khăn về tài chính), Vì vậy lợi nhuận của hai ngân hàng sắp xỉ khoảng **1.850 tỷ đồng**. Do đó kế hoạch năm 2012 là lợi nhuận khoảng 1.850 **tỷ** đồng là hoàn toàn khả thi dựa trên các cơ sở sau:

- SHB nhận được một phần hỗ trợ từ NHNN các khoản vay ưu đãi với lãi suất thấp để hỗ trợ cho SHB sau sáp nhập; điều này sẽ giúp thu nhập lãi của SHB tăng đáng kể.
- Thu nhập khác trong năm 2012 khoảng 1.160 tỷ là do SHB tích cực thu hồi các khoản trích lập dự phòng và xử lý nợ của HBB trước khi sáp nhập. Thực tế cho thấy, có rất nhiều

khoản mục lỗ lũy kế trước khi sáp nhập của HBB có thể thu hồi nếu như Ngân hàng thực hiện các biện pháp thu hồi nợ một cách tích cực và quyết liệt;

- SHB sẽ tích cực kiểm soát chi phí hoạt động và sắp xếp lại Ngân hàng sau khi sáp nhập; đồng thời sử dụng hiệu quả các nguồn lực hiện có của Ngân hàng để giảm thiểu các chi phí thuê ngoài;

- Chi phí dự phòng bao gồm phân bổ chi phí dự phòng của Vinashin trong 5 năm.

- Thuế TNDN của Ngân hàng trong năm 2012 = 0 do Ngân hàng được mang sang lỗ lũy kế trước khi sáp nhập cần trừ vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm 2012 theo quy định.

Với kết quả kinh doanh khoảng 1.850 tỷ trong năm 2012, ngân hàng sẽ bù đắp hết lỗ phát sinh trước sáp nhập.

► Năm 2013, lợi nhuận trước thuế là 2.115 tỷ đồng, tăng khoảng 15% so với năm 2012 do các nguyên nhân sau:

- Sau sáp nhập SHB cần thời gian để thực hiện liên kết hệ thống và dữ liệu nên chưa thể có những bước đột phá ngay trong 2013;

- Tiếp tục quá trình đánh giá và hợp lý hóa các khoản mục chi phí của Ngân hàng nhằm kiểm soát chi phí hoạt động ở mức tối ưu nhất;

- Tiếp tục thực hiện các biện pháp thu hồi nợ xấu đã xử lý trước đây;

- Tiếp tục hạch toán phân bổ chi phí dự phòng Vinashin theo kế hoạch;

- Theo Đề án tái cơ cấu, sau sáp nhập SHB xin được miễn 100% thuế TNDN sau khi trừ lỗ lũy kế, trong hai năm tiếp theo. Do đó thuế TNDN trong năm 2013 = 0

► Năm 2014, Ngân hàng sau sáp nhập đã bắt đầu đi vào hoạt động ổn định, do đó tỷ lệ tăng trưởng lợi nhuận của SHB sẽ tăng từ 15% - 20% so với năm 2013.

- Theo Đề án tái cơ cấu, Ngân hàng sau sáp nhập xin được miễn 100% thuế TNDN sau khi trừ lỗ lũy kế, trong hai năm tiếp theo. Do đó thuế TNDN trong năm 2014 = 0

VỐN ĐIỀU LỆ CỦA NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN - HÀ NỘI (SHB)

Theo báo cáo tài chính, tại thời điểm 29/02/2012, vốn điều lệ của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội là 4.815.795.470.000 đồng.

VỐN ĐIỀU LỆ CỦA NGÂN HÀNG TMCP NHÀ HÀ NỘI

Theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán, tại thời điểm 29/02/2012, vốn điều lệ của Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội là 4.050.000.000.000 đồng.

VỐN ĐIỀU LỆ SAU KHI SÁP NHẬP CỦA SHB.

Đây là đề án sáp nhập giữa hai ngân hàng nên việc xác định vốn điều lệ của Ngân hàng sau sáp nhập và việc chuyển đổi vốn góp/vốn cổ phần của SHB và HBB sẽ được thực hiện theo nguyên

tác sau:

- ▶ Vốn Điều lệ mới của NH sau sáp nhập là vốn điều lệ cộng ngang của hai NH;
- ▶ Vốn Điều lệ mới sẽ được phân chia cho các cổ đông của SHB và HBB theo tỷ lệ đã được thỏa thuận trong thỏa thuận hợp tác đã được ký kết giữa hai Ngân hàng, cổ phiếu của Ngân hàng mới sau khi sáp nhập được phân phối cho các Ngân hàng như sau:
 - 1 cổ phần của SHB sẽ được hoán đổi ngang bằng **1,21 cổ phần** của ngân hàng sau sáp nhập (SHB) ;
 - 1 cổ phần của HBB sẽ được hoán đổi ngang bằng **0,75 cổ phần** của ngân hàng sau sáp nhập (SHB)

Theo đó, chi tiết về vốn của các cổ đông của hai ngân hàng sẽ được phân chia như sau:

	<i>Trước khi sáp nhập</i>	<i>Sau khi sáp nhập</i>
Sở hữu của cổ đông	(VND)	(VND)
<i>SHB</i>	4.815.795.470.000	5.828.295.470.000
<i>HBB</i>	4.050.000.000.000	3.037.500.000.000
Tổng cộng	8.865.795.470.000	8.865.795.470.000

Ngân hàng sau khi sáp nhập xin phép đăng ký Vốn điều lệ mới của Ngân hàng là: **8.865.795.470.000 đồng (tám nghìn tám trăm sáu mươi lăm tỷ bảy trăm chín mươi lăm triệu bốn trăm bảy mươi ngàn đồng).**

Theo Luật Kế toán và Nghị định 146 của Chính phủ về Quy chế Tài chính của các TCTD và hệ thống kế toán các TCTD hiện hành, lỗ phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh không được cân trừ vào vốn điều lệ mà được mang sang thành lỗ lũy kế trong các năm tiếp theo và TCTD phải có trách nhiệm sử dụng lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh để bù đắp cho khoản lỗ lũy kế này.

LỖ PHÁT SINH CỦA HBB DO XỬ LÝ TÀI CHÍNH TRƯỚC KHI SÁP NHẬP

Lỗ phát sinh của HBB từ việc xử lý tài chính trước khi sáp nhập là **1.829.946 triệu** đồng. Số lỗ này sẽ được mang vào báo cáo vốn chủ sở hữu của Ngân hàng sau khi sáp nhập.

Lỗ phát sinh của HBB do xử lý tài chính trước khi sáp nhập sẽ được mang sang trong lỗ lũy kế của Ngân hàng sau sáp nhập và Ngân hàng sau sáp nhập sẽ xử lý các khoản lỗ này sử dụng nguồn từ lợi nhuận kết quả hoạt động kinh doanh của NH sau sáp nhập trong năm 2012.

CHƯƠNG 4: QUYỀN LỢI CỦA CỔ ĐÔNG SHB SAU KHI SÁP NHẬP

Ban Lãnh đạo Ngân hàng SHB cam kết sẽ đảm bảo quyền lợi tối đa cho các cổ đông của SHB trong giao dịch sáp nhập như sau:

- ▶ Các cổ đông SHB trước thời điểm sáp nhập sẽ nhận thêm **0,21 cổ phiếu mới** của Ngân hàng sau sáp nhập cho mỗi cổ phiếu SHB do cổ đông nắm giữ.
- ▶ Bù lại, trong năm 2012, các cổ đông của SHB sẽ không nhận cổ tức do lợi nhuận của năm 2012 sẽ được dùng để bù đắp cho lỗ lũy kế của HBB trước khi sáp nhập.

* Như vậy, có thể nói, các cổ đông của SHB sẽ nhận tỷ lệ cổ tức tương đương 21% bằng cổ phiếu cho năm 2012 và quyền lợi của cổ đông hoàn toàn không bị ảnh hưởng

CHƯƠNG 5: DỰ KIẾN VỀ NHÂN SỰ, MẠNG LƯỚI, NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG VÀ CÁC VẤN ĐỀ KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TCTD SAU KHI SÁP NHẬP

CÁC THÔNG TIN CHUNG

Tên TCTD sau sáp nhập	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
Tên TCTD bằng tiếng Anh	Sai Gon Ha Noi Commercial Joint Stock Bank
Tên viết tắt	SHB
Trụ sở chính	77 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại	(84-4) 3942 3388
Fax	(84-4) 3941 0944
Website	www.shb.com.vn
Vốn điều lệ	8.865.795.470.000 đồng
Tổng số cổ phần lưu hành	886.579.547 cổ phần
Mệnh giá	10.000 đồng
Mạng lưới kinh doanh	Phụ lục kèm theo Đề án

NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG: Đầy đủ các lĩnh vực được phép theo Luật các TCTD

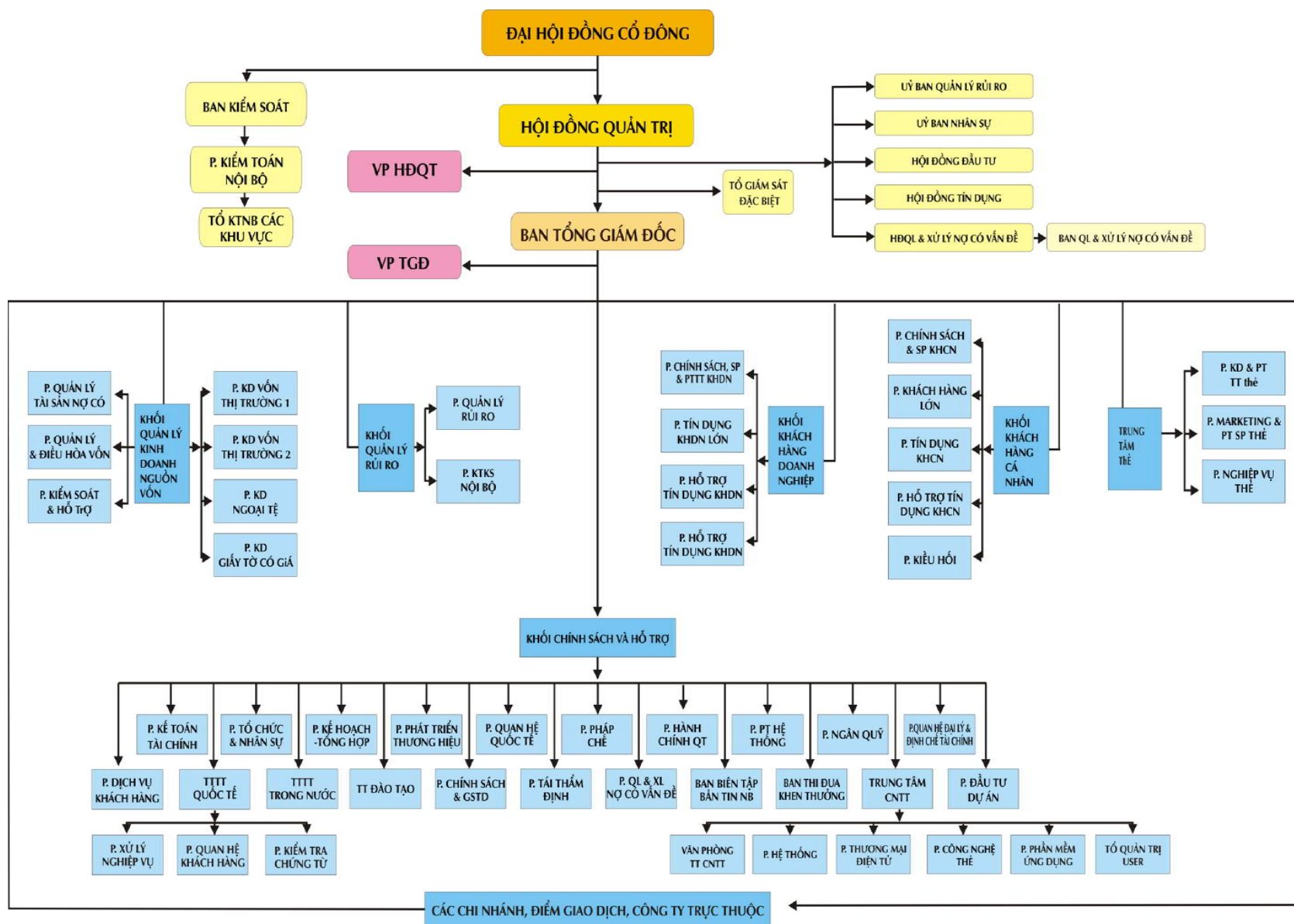
CƠ CẤU TỔ CHỨC

Sau sáp nhập, NHSN sẽ xây dựng mô hình tổ chức như mô tả trong hình phía sau đây theo định hướng tổ chức của một ngân hàng hiện đại, trong đó có hình thành các khối kinh doanh, quản lý rủi ro, hỗ trợ...nhằm tăng cường năng lực quản trị, điều hành của Ngân hàng.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG DỰ KIẾN

STT	Các cổ đông	Tại thời điểm chốt danh sách để tổ chức ĐHĐCD thường niên		
		Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Cá nhân trong nước	29.170	486.771.448	54,9
2	Cá nhân nước ngoài	107	1.226.325	0,1
3	Tổ chức trong nước	217	355.264.188	40,1

4	Tổ chức nước ngoài	10	42.821.400	4,8
5	Cổ phiếu quỹ	1	496.186	0,1
Tổng cộng		29.504	886.579.547	100



MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

► Hội sở chính

Trước sáp nhập, 02 ngân hàng tham gia sáp nhập có 02 Hội sở chính tại các địa điểm khác nhau. Sau sáp nhập, NHSN chọn đặt Hội sở chính tại địa điểm hiện nay của Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội tại 77 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Hội sở chính và Sở giao dịch của HBB được chuyển đổi thành Chi nhánh của SHB (như vậy sẽ làm tăng thêm 01 Chi nhánh trong mạng lưới hoạt động của SHB sau sáp nhập).

► **Chi nhánh:** Trước mắt, mạng lưới Chi nhánh của NHSN được hình thành bằng cách chuyển đổi toàn bộ các Chi nhánh của HBB thành Chi nhánh SHB, đồng thời tăng thêm 01 Chi nhánh do phân chuyển đổi Hội sở chính và Sở giao dịch của HBB. Năm tiếp theo, SHB thực hiện cơ cấu, tổ chức lại mạng lưới chi nhánh cho phù hợp, đảm bảo hoạt động của từng chi nhánh an toàn và hiệu quả.

► **Phòng giao dịch, Quỹ tiết kiệm & Điểm giao dịch:** Mạng lưới Phòng Giao dịch, Quỹ tiết kiệm và Điểm giao dịch của NHSN sau sáp nhập dự kiến sẽ được hình thành từ việc chuyển đổi mạng lưới tương ứng hiện nay của SHB và HBB. Do đó, số lượng Phòng giao dịch, Quỹ tiết kiệm và Điểm giao dịch không thay đổi.

► **Công ty trực thuộc:** Các Bên hiện nay đều có 01 công ty trực thuộc là Công ty quản lý nợ và khai thác tài sản và Công ty chứng khoán. Các Công ty này sẽ tiếp tục được duy trì cho hoạt động của NHSN.

Thống kê các đơn vị trong quá trình chuyển đổi

Loại hình tổ chức	Số lượng trước sáp nhập		NHSN
	SHB	HBB	
Hội sở chính	1	1	1
Sở giao dịch	0	1	0
Chi nhánh	26	19	47
Phòng giao dịch	115	49	164
Điểm giao dịch (Bao gồm cả ATM)	19	-	19
Quỹ tiết kiệm	0	10	10
Tổng cộng	161	80	242
Công ty con	1	1	2

NHÂN SỰ DỰ KIẾN

NHSN sẽ tiếp tục và sử dụng tất cả những cán bộ, nhân viên hiện tại của SHB và HBB vào Ngày sáp nhập.

Đối với thay đổi/bổ sung các thành viên HĐQT, BKS các bên sẽ gửi danh sách nhân sự dự kiến để thông qua NHNN theo đúng quy định. Sau khi được NHNN chấp thuận (về nhân sự) SHB sẽ đưa ra ĐHĐCĐ để bầu cử HĐQT, BKS theo quy định của Điều lệ và pháp luật.

Cơ cấu nhân sự dự kiến của NHSN ngay khi sáp nhập

Về cơ bản, Ngân hàng sáp nhập vẫn giữ nguyên cơ cấu nhân sự hiện tại của SHB, có bổ sung thêm một số cá nhân có năng lực quản trị và năng lực chuyên môn từ HBB mà SHB đánh giá đáp ứng đủ điều kiện để tham gia điều hành. Cơ cấu nhân sự của HĐQT, BKS cuối cùng sẽ được Đại Hội đồng cổ đông quyết định.

Cấp nhân sự	Số lượng trước khi sáp nhập		NHSN dự kiến
	SHB	HBB	
HĐQT	6	6	7
Ban kiểm soát	6	3	5
Ban điều hành	6	6	10
Cán bộ nhân viên	2.840	1.846	4.686

CÁC CÔNG TY CON

Các công ty con của NHSN bao gồm:

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	%/ sở hữu của NHSN
1	Công ty TNHH một thành viên Quản lý Nợ và Khai thác tài sản - Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà	28 Giang Văn Minh, Ba Đình, Hà Nội	20	100%

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	%/ sở hữu của NHSN
	Nội			
2	CTCP Chứng khoán Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội	Số 2C Vạn Phúc, Phường Kim Mã, Quận Ba Đình, Tp. Hà Nội	150	98,66%

CÁC VẤN ĐỀ KHÁC CÓ LIÊN QUAN ĐẾN NHSN

HỦY LƯU KÝ VÀ HỦY NIÊM YẾT CỔ PHIẾU HBB TẠI TTLKCK VÀ HNX

Sau khi Đại hội đồng cổ đông của 02 ngân hàng thông qua Hợp đồng sáp nhập, đề án sáp nhập thì các Bên tiến hành công bố thông tin và HBB tiến hành hủy niêm yết và hủy lưu ký toàn bộ số cổ phần HBB tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) và tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

BỔ SUNG GIẤY PHÉP KINH DOANH

NHSN sẽ kế thừa toàn bộ giấy phép/ngành nghề kinh doanh của SHB và HBB hiện tại. Theo đó, ngành nghề kinh doanh của NHSN như được nêu tại Mục I về Thông tin của Ngân hàng sau sáp nhập trên dưới đây và phải được NHNN cấp phép.

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA SHB (ĐIỀU LỆ)

Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức sẽ được hai bên thống nhất sau khi giao dịch Sáp nhập được thông qua.

NGÀY SÁP NHẬP

Ngày sáp nhập là ngày có hiệu lực của Chấp thuận cuối cùng của NHNN.